BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

DIỄN ĐÀN

KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG

Hải Dương, tháng 12 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN
***Chủ đề:* "Nâng cao chất lượng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây vụ Đông"**

Thời gian: Từ 08h, ngày 07 tháng 12 năm 2021

Hình thức: Trực tuyến trên nền tảng Zoom

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
Ngày 06/12: Từ 16-17 h	Kiểm tra kết nối giữa điểm cầu chính và các điểm cầu nhánh, phổ biến chương trình và quy chế của Diễn đàn	- Đại diện Trung tâm KNQG -Đại diện Trung tâm KN các tỉnh điểm cầu nhánh - Đại diện Trung tâm KN Hải Dương và điểm cầu các huyện - Cán bộ kỹ thuật các đơn vị dịch vụ kết nối diễn đàn tại điểm cầu chính và nhánh
Ngày 07/12		
07h45-08h15	Mở phòng họp kết nối các điểm cầu	Đơn vị chủ trì các điểm cầu
08h15-08h30	Tuyên bố lý do; giới thiệu đại biểu, chương trình; đề xuất Ban Chủ tọa, Ban cố vấn	TTKNQG, Đ/c Đào và đại diện các điểm cầu
08h30-08h45	Phát biểu Khai mạc Diễn đàn	Lãnh đạo TTKNQG
08h45-09h00	Phát biểu chào mừng	Lãnh đạo Sở NN và PTNT
09h00-09h15	Phóng sự "*Hải Dương đẩy mạnh nâng cao chất lượng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây vụ Đông*"	Trung tâm Khuyến nông Hải Dương
09h15-10h15	Trình bày các báo cáo tham luận của các cơ quan quản lý, nghiên cứu chuyển giao và các doanh nghiệp, HTX, hộ dân	Ban Chủ tọa điều hành
10h15-11h15	Thảo luận	Ban Chủ tọa điều hành
11h15-11h30	Tổng kết, bế mạc diễn đàn	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2021 Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC 7

Cục Trồng trọt

2. MỘT SỐ TBKT MỚI CỦA VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM VÀ GIẢI PHÁP MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG TẠI CÁC TỈNH PHÍA BẮC 17

Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

3. CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SÂU BỆNH ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY VỤ ĐÔNG BỀN VỮNG 24

Viện Bảo vệ thực vật

4. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ NÔNG SẢN, SẢN PHẨM OCOP, RAU VỤ ĐÔNG TẠI HẢI DƯƠNG 34

Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Dương

5. MỘT SỐ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY VỤ ĐÔNG THEO CHUỖI LIÊN KẾT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TÌM ĐẦU RA CHO SẢN PHẨM TẠI HẢI DƯƠNG 45

Chi cục Trồng trọt và BVTV Hải Dương

6. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG TẠI HÀ NỘI 49

Trung tâm Khuyến nông Hà Nội

7. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ CÂY VỤ ĐÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH 53

Trung tâm Khuyến nông và PTNN công nghệ cao Bắc Ninh

8. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG TẠI TỈNH QUẢNG NINH 60

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ninh

9. KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ HD-GREEN 68

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hữu cơ HD-GREEN

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2021 Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Cục Trồng trọt

I. MỞ ĐẦU

Vụ Đông ở các tỉnh phía Bắc được xem là vụ sản xuất hàng hóa, cũng là vụ sản xuất chính trong năm và đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng của ngành trồng trọt. Với tầm quan trọng của vụ Đông, nhiều địa phương đã chủ động xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất vụ Đông phát triển theo chủ trương tái cấu trúc ngành trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Trong sản xuất, nhiều mô hình chuyển đổi cây trồng, liên kết sản xuất theo chuỗi; sản xuất qui mô lớn, tập trung, đặc biệt là sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, BasicGAP... tiếp tục được duy trì, nhân rộng đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo uy tín, thương hiệu sản phẩm nông sản, từ đó nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của thiên tai đã gây ra nhiều khó khăn đối với sản xuất trồng trọt nói chung, sản xuất vụ Đông nói riêng. Vì vậy, giải pháp phát triển sản xuấtvụ Đông ở các tỉnh phía Bắc là hết sức quan trọng.

II. SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 5 NĂM (2016-2020)

1. Kết quả sản xuất vụ Đông trong 5 năm (2016-2020)

Diện tích sản xuất vụ đông các tỉnh phía Bắc trong 5 năm gần đây không tăng mà có xu hướng ổn định ở mức trên dưới 380 nghìn ha, tuy nhiên giá trị sản xuất vụ Đông tăng đều qua các năm (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích giá trị sản xuất vụ đông 5 năm (2016-2020)

TT	Vụ Đông	Diện tích (1.000 ha)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Năm 2016	400,0	24.980
2	Năm 2017	388,0	25.899
3	Năm 2018	384,0	29.034
4	Năm 2019	388,0	32.562
5	Năm 2020	375,0	32.628

Giá trị sản xuất vụ Đông tăng do có sự chuyển dịch từ nhóm cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang cây trồng có giá trị cao hơn như: nhóm cây dược liệu; nhóm rau ăn củ, ăn quả, rau chất lượng cao; ngô thực phẩm, ngô sinh khối; hoa, cây cảnh giá trị cao,...; sản xuất trong nhà màn, nhà lưới gắn với sơ chế, chế biến đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) có thị trường đầu ra ổn định; trồng rải vụ,... đã góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

2. Kết quả sản xuất vụ Đông 2020

2.1. Diện tích, năng suất, sản lượng và giá trị cây trồng vụ Đông 2020

a) Diện tích

Diện tích cây trồng vụ đông 2020 đạt 375 nghìn ha, giảm 13,3 nghìn ha so với vụ đông 2019 do ảnh hưởng của con bão số 7 (ngày 14-16/10). Trong đó, nhóm cây trồng diện tích giảm chủ yếu là nhóm cây ưa ấm như: ngô (giảm 6,8 nghìn ha), đậu tương (giảm 1,5 nghìn), khoai lang (giảm 3,2 nghìn ha). Riêng khoai tây là cây ưa lạnh, khó khăn về nguồn giống, chi phí đầu vào cao nên diện tích giảm 2,7 nghìn ha do ảnh hưởng của đợt mưa bão cây trồng có diện tích tăng chủ yếu là nhóm rau đậu các loại (tăng 8,1 nghìn ha).

b) Năng suất

Năng suất của cây vụ Đông 2020 có sự biến động tùy từng nhóm cây so với vụ Đông 2019.Nhóm cây ưa ấm có năng suất tăng như: ngô đạt 46,4 tạ/ha (tăng 5,2 tạ/ha), lạc đạt 24,0 tạ/ha (tăng 0,6 tạ/ha), đậu tương đạt 17,1 tạ/ha (tăng 0,4 tạ/ha). Nhóm cây có năng suất giảm chủ yếu là cây ưa lạnh như: khoai tây đạt 155,5 tạ/ha (giảm 1,5 tạ/ha), rau đậu các loại đạt 184,7 tạ/ha (giảm 4,0 tạ/ha).

c) Sản lượng

Tổng sản lượng cây trồng vụ Đông 2020 đạt 4.565 nghìn tấn, tăng 110 nghìn tấn so với vụ đông 2019. Cây trồng có sản lượng tăng chủ yếu là rau tăng 65 nghìn tấn, ngô tăng 66,3 nghìn tấn, khoai tây tăng 6 nghìn tấn các cây còn lại đều giảm sản lượng như: đậu tương giảm 2,3 nghìn tấn, khoai lang giảm 31 nghìn tấn.

d) Giá trị cây vụ Đông 2020

Tổng giá trị cây vụ Đông 2020 (tính theo giá hiện thời) đạt khoảng 32.628 tỷ đồng, cao hơn không đáng kể so với vụ Đông 2019. Tuy nhiên, giá trị sản xuất cây vụ Đông 2020 đạt 84,3 triệu đồng/ha, tăng 3,1 triệu đồng/ha so với vụ Đông 2019.

Bảng 2. Diện tích, sản lượng và giá trị cây vụ Đông 2020 so với 2019

TT	Cây trồng	Diện tích (1.000 ha)		Sản lượng (1.000 tấn)		Giá trị (tỷ đồng)		
		2019	2020	2019	2020	2019	2020	2020/2019
1	Ngô	107	100	397	463	1.985	2.548	563
2	Đậu tương	6	4	9	7	143	107	-36
3	Lạc	6	5	13	12	320	306	-14
4	Khoai lang	26	23	234	202	1.521	1.314	-207
5	Khoai tây	16	17	254	260	1.526	1.823	297
6	Rau các loại	188	196	3.555	3.620	23.108	23.531	423
7	Cây khác	40	30	-		3.960	3.000	-960
Tổng		**388**	**375**	**4.462**	**4.565**	**32.562**	**32.628**	**66**

Ghi chú: (giá trị cây vụ đông tính theo giá hiện thời).

1. Năm 2019: giá ngô - 5,0 triệu đồng/tấn, khoai lang - 6,5 triệu đồng/tấn, khoai tây - 6,0 triệu đồng/tấn, đậu tương - 15,5 triệu đồng/tấn, lạc - 25,0 triệu đồng/tấn, rau các loại - 6,2 triệu đồng/tấn, cây trồng khác (hoa, cây cảnh, cây thuốc....) - 100,0 triệu đồng/ha..

2. Năm 2020: giá ngô - 5,5 triệu đồng/tấn, khoai lang - 6,5 triệu đồng/tấn, khoai tây - 7,0 triệu đồng/tấn, đậu tương - 15,5 triệu đồng/tấn, lạc - 25,0 triệu đồng/tấn, rau các loại - 6,5 triệu đồng/tấn, cây trồng khác (hoa, cây cảnh, cây thuốc....) - 100,0 triệu đồng/ha.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2021

1. Định hướng

- Phát triển vụ Đông 2021 theo chủ trương tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng, hiệu quả, nâng cao chuỗi giá trị và phát triển bền vững.

- Xác định vụ Đông là vụ sản xuất quan trọng đối với tăng trưởng của toàn ngành cho năm tiếp theo, vì vậy cần xác định rõ đối tượng cây trồng, cơ cấu giống cần tập trung phát triển, mở rộng diện tích gieo trồng, các biện pháp kỹ thuật, chế biến phù hợp để tập trung chỉ đạo.

- Căn cứ vào kế hoạch chung của Bộ, các địa phương cần xây dựng kế hoạch sản xuất vụ đông linh hoạt, thích ứng với tình hình diễn biến của dịch Covid-19, theo các kịch bản: tình trạng bình thường mới, giãn cách theo Chỉ thị 15, Chỉ thị 16 của Thủ tướng. Thực hiện triệt để các chỉ thị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về vận chuyển, lưu thông hàng hóa không để xảy ra tình trạng ngăn sông cấm chợ.

-Tăng cường liên kết, đa dạng hóa các hình thức tiêu thụ, thương mại điện tử, chợ online, tham gia xây dựng diễn đàn kết nối cung cầu trong nội tỉnh, theo vùng và toàn quốc.

- Với dạng hình thời tiết theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia và những yếu tố thuận lợi, định hướng của Bộ là nhóm cây ưa ấm nên bố trí với tỷ lệ khoảng 55%; nhóm cây ưa lạnh khoảng 45%.

+ Nhóm cây trồng chủ lực trong vụ Đông gồm: ngô, đậu tương, khoai lang, khoai tây và rau đậu các loại. Trong đó, cây ngô, ngoài mục tiêu lấy hạt, ưu tiên phát triển nhóm ngô thực phẩm, thời gian sinh trưởng ngắn, thu bắp tươi phục vụ thị trường ăn tươi, chế biến và ngô sinh khối cho chăn nuôi đại gia súc. Phát triển nhóm rau, xem xét điều chỉnh cơ cấu giống rau củ, quả có thời gian bảo quản kéo dài có giá trị kinh tế cao phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại một số thị trường truyền thống.

+ Tiếp tục đa dạng hóa các nhóm cây khác trong vụ Đông, đặc biệt chú ý trồng rải vụ đối với cây rau nhằm giảm áp lực trong tiêu thụ. Mở rộng diện tích các đối tượng có thị trường tiêu thụ tốt, ổn định như: dưa chuột bao tử, ớt, bí xanh, bí ngô, khoai tây chế biến, cây dược liệu, các loại nấm ăn, nấm dược liệu...

- Bố trí hợp lý cơ cấu nhóm cây ưa ấm, ưa lạnh và nhóm trung tính, các cây có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

- Đẩy mạnh sản xuất rau ở những vùng qui hoạch, vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, có thị trường đầu ra tốt, ổn định. Sản xuất rau có đăng ký đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao giá trị thu nhập đối với người sản xuất rau, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu và cơ cấu

2.1. Mục tiêu

- Diện tích và sản lượng: Ổn định diện tích khoảng **400 nghìn ha** và sản lượng **4,6 triệu tấn**. Trong đó, tập trung phát triển một số cây trồng có giá trị kinh tế cao, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân.

- Tổng giá trị sản xuất: Phấn đấu đạt khoảng 34-35 nghìn tỷ đồng (giá tại thời điểm). Trung bình giá trị sản xuất đạt khoảng 85 triệu đồng/ha.

2.2. Cơ cấu

- Nhóm cây ưa ấm (ngô, khoai lang, đậu tương, lạc, rau ưa ấm) chiếm tỷ lệ khoảng55% tổng diện tích cây vụ Đông.

- Nhóm cây ưa lạnh (khoai tây, rau đậu ưa lạnh) khoảng 45% tổng diện tích cây vụ Đông.

3. Kế hoạch sản xuất vụ Đông 2021

Căn cứ vào kết quả sản xuất vụ Đông 2020 và kế hoạch sản xuất vụ Đông 2021 của từng địa phương, phấn đấu diện tích cây trồng vụ Đông 2021 tại các tỉnh phía Bắc ổn định khoảng 400 nghìn ha (Bảng 3).

Bảng 3. Kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Đông 2021 tại các tỉnh phía Bắc theo vùng

ĐVT: 1.000 ha

TT	Cây trồng	Vùng ĐBSH		Vùng TDMNPB		Vùng BTB		Tổng các tỉnh PB	
		Đông 2020	KH Đông 2021	Đông 2020	KH Đông 2021	Đông 2020	KH Đông 2021	Đông 2020	KH Đông 2021
1	Ngô	27	30	35	39	37	41	100	110
2	Lạc	1	1	1	1	3	3	5	5
3	Đậu tương	2	5	1	1	1	2	4	8
4	Khoai tây	11	12	5	5	1	1	17	18
5	Khoai lang	7	8	10	12	6	6	23	26
6	Rau các loại	88	90	65	69	43	44	196	200
7	Cây khác	13	14	12	14	8	8	30	33
Tổng		**149**	**161**	**131**	**140**	**98**	**105**	**375**	**401**

Các địa phương tập trung chỉ đạo đón thời cơ về thị trường trong nước vào Trung Quốc tăng tối đa diện tích nếu có thể trong đó các tỉnh, thành có nhiệu tiềm năng lợi thế như: Hà Nội, Thái Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hà Tĩnh....

4. Một số giải pháp chính tập trung chỉ đạo

4.1. Giải pháp về thời vụ

Từng tỉnh căn cứ vào diện tích thu hoạch lúa vụ Hè Thu, vụ Mùa 2021, điều kiện nguồn nước, đất đai chủ và thị trường, chủ động bố trí thời vụ, diện tích với cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm đảm bảo đạt diện tích sản xuất vụ Đông tối đa nhưng phải đảm bảo chắc ăn và hiệu quả kinh tế.

4.2. Giải pháp kỹ thuật

Căn cứ vào đề án, kế hoạch sản xuất vụ đông đã được xây dựng và điều kiện thực tiễn, các địa phương xây dựng và hướng dẫn các quy trình kỹ thuật gieo trồng cây vụ Đông cho nông dân. Một số vấn đề cơ bản về kỹ thuật cần chú ý như sau:

- *Làm đất:* Thực hiện tốt kỹ thuật làm đất tối thiểu, hạn chế làm đất đối với diện tích trên đất 2 lúa, tranh thủ thời vụ cần rẽ lúa đặt bầu, hoàn thiện luống sau, chú ý tạo rãnh thoát nước xung quanh và bề mặt ruộng đề phòng mưa úng.

- *Bố trí thời vụ gieo trồng và cơ cấu giống:* Với nhóm cây ưa ấm, thời vụ gieo trồng kết thúc trước 10/10; với nhóm cây ưa lạnh gieo trồng sau 10/10, riêng với cây khoai tây tập trung trồng từ 25/10 đến 15/11. Trồng rải vụ đối với nhóm rau để đảm bảo nguồn cung, hạn chế tình trạng dư thừa giá thấp hoặc thiếu rau đẩy giá lên cao.

a) Đối với nhóm cây ưa ấm (ngô, khoai lang, dưa hấu, dưa chuột, bầu bí, đậu tương, lạc)

Cần lựa chọn giống có thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp và áp dụng giải pháp kỹ thuật làm bầu, ươm cây con, xen vụ để đảm bảo thời vụ. Cần chú ý chăm sóc ngay từ sớm không để cây con còi cọc chậm sinh trưởng.

- *Cây ngô:* Trà sớm gieo trước 20/9, trên các chân đất chuyên màu (bãi ven sông, cát ven biển, đồi, đất lúa chuyển sang làm màu), đất 2 lúa (vụ hè thu và mùa sớm); trà trung gieo trước 30/9, trên chân đất 2 lúa (mùa sớm và mùa trung); trà muộn gieo trước 5/10, trên đất 2 lúa (mùa trung) tại các tỉnh ĐBSH và TDMNPB. Đối với ngô nếp, ngô đường, ngô rau, thời gian sinh trưởng ngắn, sử dụng bắp tươi là chính nên thời vụ gieo trồng có thể muộn hơn đến 15 - 20/10 để tận dụng tối đa diện tích và thời vụ để gieo trồng; với các tỉnh BTB cần căn cứ vào tình hình ngập lụt để ra giống khi xu thế ngập lụt đã kết thúc.

Trên đất 2 lúa cần áp dụng làm ngô bầu, chăm sóc tốt bầu ngô trước khi đặt bầu; ở những vùng chủ động tưới, tiêu hoặc đối với ngô nếp, ngô đường trồng muộn hơn cần áp dụng kỹ thuật làm đất tối thiểu, kỹ thuật gieo thẳng hạt hoặc đặt bầu xuống gốc rạ, tăng mật độ ngô: 6-7 vạn cây/ha đối với đất màu và trên 5-6 vạn cây/ha đối với đất 2 lúa... Chú ý kỹ thuật bón phân cân đối, bón sớm, đủ lượng và cân đối để cây sinh trưởng phát triển tốt nhất.

+ *Giống ngô:* Cơ cấu, chủng loại giống khá phong phú cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất. Ưu tiên mở rộng diện tích ngô thực phẩm (ngô nếp, ngô ngọt), ngắn ngày, cho hiệu quả kinh tế cao.

- *Cây đậu tương:* Kết thúc gieo đậu tương trước ngày 5/10; trong sản xuất đậu tương Đông trên đất 2 lúa, triệt để thực hiện phương châm *"gặt đến đâu, trồng đậu tương đến đó; trồng càng sớm, năng suất càng cao"*. Làm đất tối thiểu, gieo thẳng, gieo bằng máy, gieo vào gốc rạ, làm rãnh thoát nước đối với trồng đậu tương đông trên đất 2 lúa.

Trà sớm và chính vụ gieo trước 20/9, điều kiện thời tiết thuận lợi sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng trung bình (85-95 ngày); trà muộn gieo trước 10/10 sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày (< 85 ngày).

- *Cây khoai lang:* Là cây yêu cầu thời vụ nghiêm ngặt nên trồng càng sớm càng tốt, thời vụ trồng kết thúc trước 10/10.

- *Cây lạc:* Trồng càng sớm càng tốt, chủ động thu hoạch lúa mùa sớm đảm bảo nhanh, gọn để giải phóng đất sớm trồng lạc ngay cho kịp thời vụ, kết thúc trồng trước ngày 25/9; nếu kết hợp với mục tiêu nhân giống cho vụ lạc xuân nên cần chủ động bố trí đất để kết thúc gieo trồng trước 15/9. Hướng dẫn nông dân gieo trồng bằng phương pháp che phủ rơm rạ để hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, giữ ẩm góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

- *Cây bí xanh, bí ngô, dưa chuột, ớt:*Cần áp dụng kỹ thuật làm bầu, ươm cây con và chăm sóc cây con tốt. Với bầu bí, dưa chuột nên áp dụng kỹ thuật trồng gối bằng cách rạch lúa để đặt bầu trước khi thu hoạch lúa, hướng dẫn nông dân sản xuất an toàn theo VietGAP.

b) Đối với nhóm cây ưa lạnh

- *Khoai tây:* Thời vụ tập trung từ 15/10-20/11, tốt nhất 25/10-15/11, không nên trồng muộn vì thiếu ánh sáng, nhiệt độ quá thấp, âm u mưa phùn làm bệnh hại phát triển, tích lũy về củ chậm, làm ảnh hưởng đến năng suất.

Ưu tiên sử dụng các giống khoai tây có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn chất lượng củ giống theo qui định, giống sạch bệnh, trẻ sinh lý.

- *Rau đậu:* Cần tận dụng tối đa điều kiện đất đai, nhân lực, mở rộng tối đa diện tích gieo trồng, hướng dẫn nông dân trồng rải vụ để tránh hiện tượng khủng hoảng thừa lúc chính vụ làm rớt giá giảm hiệu quả kinh tế.

Áp dụng các TBKT mới cho hiệu quả kinh tế cao như sản xuất rau trong nhà màn, nhà lưới; làm bầu, gieo gối vụ đối với bầu bí; trồng cà chua, dưa hấu bằng cây giống ghép; tăng cường sử dụng phân hữu cơ sinh học, phân bón qua lá; tưới nước tiết kiệm, sử dụng màng phủ nông nghiệp trong trồng rau, dưa, lạc...

**** Đối với cây hoa**:* Bố trí diện tích trồng ở các tỉnh ĐBSH và các vùng tiểu khí hậu ôn đới thuận lợi cho trồng hoa,... Với ưu thế về chủng loại, thời gian thu hái ngắn, cho hiệu quả kinh tế cao và có thị trường đầu ra ổn định tạo đà cho các địa phương mạnh dạn chuyển đổi diện tích đất trồng lúa, màu sang trồng hoa. Bên cạnh nhóm hoa truyền thống (hoa cúc, đồng tiền, hoa lan,...) cần mở rộng nhóm hoa chất lượng cao (hoa lily, loa kèn, cẩm chướng...) để đa dạng hoá sản phẩm, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

**** Đối với nấm ăn và nấm dược liệu*:**Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu, diện tích lán trại sẵn có và nguồn nhân lực dư thừa trong nông thôn để phát triển và sản xuất các loại nấm ăn, nấm dược phục vụ nhu cầu tiêu dùng và nâng cao thu nhập cho nông dân.

Mở rộng phát triển vùng cây dược liệu liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn với các doanh nghiệp chế biến dược liệu.

5. Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Đông 2021

Để sản xuất vụ Đông 2021 đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, các địa phương cần sớmchủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách mới, phù hợp điều kiện cụ thể để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển cây vụ Đông.

- Nội dung hỗ trợ cần tập trung gồm: hỗ trợ xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, kết nối cung cầu, tìm kiếm thị trường, khuyến khích các doanh nghiệp ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ những vùng có diện tích cây vụ đông lớn, tập trung và ổn định,

hỗ trợ xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế.

- Hỗ trợ tưới tiêu, sản xuất theo hướng an toàn, hỗ trợ kinh phí tập huấn, đào tạo chứng nhận chất lượng sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng theo hướng sản xuất ATVSTP.

- Hỗ trợ kinh phí mua giống cây trồng vụ đông, đặc biệt là các giống cây trồng mới nhằm tạo ra sự đột phá về năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất vụ Đông.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các tỉnh, thành phố phía Bắc

Huy động cả hệ thống chính trị, các ban ngành như Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, Tài chính, các tổ chức chính trị xã hội vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất, đổi mới phương thức chỉ đạo; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ sản xuất, kết nối cung cầu và liên kết trong điều kiện dịch Covid-19 như hiện nay để đảm bảo sản xuất vụ Đông thắng lợi và hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện:

- Rà soát điều chỉnh kế hoạch vùng gieo trồng cây vụ đông; đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa, hình thành những vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện áp dụng cơ giới hóa, công nghệ, TBKT nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Tăng cường tuyên truyền các chủ trương chính sách, TBKT và cập nhật diễn biến tình hình thời tiết, sâu bệnh đến người sản xuất nhanh nhất và hiệu quả nhất.

- Chủ động tiêu thoát nước sớm, thu hoạch nhanh, gọn diện tích trà lúa vụ hè thu, vụ mùa sớm; chuẩn bị cây con (làm bầu) để có thể trồng cây vụ đông ngay sau khi thu hoạch lúa; bố trí quỹ đất hợp lý cho cây vụ đông sớm. Với nhóm cây ưa ấm cần lựa chọn cơ cấu giống phù hợp, gieo trồng càng sớm càng tốt; với nhóm cây rau đậu cần bố trí trồng thành nhiều trà để khai thác tối đa điều kiện đất đai, công lao động, tránh rớt giá và tăng hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức sản xuất theo "Cánh đồng lớn", mở rộng dồn điền, đổi thửa, khuyến khích cho thuê đất, mượn đất để hình thành những vùng sản xuất vụ Đông tập trung, quy mô lớn; Áp dụng tối đa các TBKT đã được đúc kết từ thực tiễn sản xuất như: giống mới, làm đất tối thiểu, làm ngô bầu, rẽ lúa đặt bầu trồng bí, dưa, che phủ ni lon trong trồng bí, dưa, lạc... để tận dụng thời gian, giảm công lao động và tăng hiệu quả kinh tế; chủ động chỉ đạo quản lý phòng trừ sâu bệnh hại, đặc biệt sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất và kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hoạt động

kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng đảm bảo triển khai tốt nhất kế hoạch sản xuất cây vụ Đông 2021.

- Trên cơ sở chính sách chung, căn cứ điều kiện thực tế chủ động đề xuất, trình UBND, HĐND tỉnh các cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân, hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác đầu tư, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm; khuyến khích nông dân tăng cường đầu tư thâm canh, mở rộng vùng sản xuất. Tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, qua đó kích cầu tiêu dùng, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ rau màu vụ Đông.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, tổ chức khắc phục kịp thời thiệt hại nếu có thiên tai xảy ra; thường xuyên báo cáo tiến độ sản xuất vụ Đông 2021 về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp kịp thời trong chỉ đạo.

2. Cục Trồng trọt

- Chỉ đạo các địa phương thu hoạch lúa vụ hè thu, mùa sớm theo đúng kế hoạch để có đất cho cây vụ Đông; hướng dẫn và kiểm tra thời vụ gieo trồng, đôn đốc việc tổ chức kiểm tra chất lượng giống vật tư sản xuất, ngăn chặn kịp thời hiện tượng kinh doanh giống các loại vật tư nông nghiệp khác kém chất lượng.

- Phối hợp với các địa phương, đặc biệt với các tỉnh trong điểm rà soát, xây dựng kế hoạch sản xuất vụ đông theo phướng án tăng diện tích phát triển.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thủy lợi, Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Trung ương bám sát diễn biến của thời tiết để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời về tình hình nguồn nước tưới và tiêu nước cho cây trồng vụ Đông.

3. Tổng cục Thuỷ lợi

Chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo công tác tưới tiêu cây vụ đông theo vùng, khu vực; đặc biệt việc tiêu úng kịp thời cho cây vụ đông khi mưa bão xảy ra.

4. Cục Bảo vệ thực vật

Chỉ đạo các Chi cục Trồng trọt và BVTV tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi phát hiện những đối tượng sâu, bệnh hại mới để có biện pháp xử lý kịp thời những điểm phát sinh dịch hại, áp dụng IPM, sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng trong sản xuất cây vụ Đông.

5. Cục Chăn nuôi

- Hỗ trợ doanh nghiệp liên kết với các tổ chức sản xuất, nông dân để cung cấp nguyên liệu đầu vào, quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm và chủ động thu mua cho nông dân.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển cây thức ăn thô để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước tích tụ đủ lớn diện tích đất nông

nghiệp, đặc biệt là đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ, ngô sinh khối áp dụng cơ giới hóa và công nghệ cao vào trồng, chăm sóc, thu gom, bảo quản và chế biến thức ăn cho gia súc ăn cỏ.

6. Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản

Chủ động, tăng cường xúc tiến thương mại trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp.

7. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Tổ chức xây dựng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và nhân rộng các mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết chuỗi; tổ chức tập huấn kỹ thuật, thực hiện các diễn đàn, tọa đàm, hội chợ giới thiệu các TBKT mới vào sản xuất vụ Đông.

Chủ trì Phối hợp với Viện KHNN Việt Nam xây dựng các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây vụ Đông đối với các cây trồng chủ lực.

8. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tổng hợp tổ chức giới thiệu các tiến bộ kỹ thuật mới, gói kỹ thuật đồng bộ các loại cây trồng chủ lực trong vụ đông phục vụ sản xuất vụ Đông tới các địa phương để khuyến cáo nông dân áp dụng.

9. Các hiệp hội, hội và doanh nghiệp

Cung cấp đầy đủ số lượng, chủng loại, chất lượng giống cây trồng đáp ứng yêu cầu của sản xuất; tăng cường phối hợp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây vụ Đông nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất./.

CỤC TRỒNG TRỌT

MỘT SỐ TBKT MỚI CỦA VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM VÀ GIẢI PHÁP MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG TẠI CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm (Viện CLT-CTP) là đơn vị sự nghiệp khoa học trực thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; có chức năng nghiên cứu cơ bản có định hướng, nghiên cứu ứng dụng phục vụ chuyển giao công nghệ, phát triển sản xuất về cây lương thực và cây thực phẩm. Viện đồng thời thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nông nghiệp cho các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng. Trong giai đoạn 2016-2021, mặc dù gặp không ít khó khăn, song với sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, Viện đã chủ động tham gia các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) vào sản xuất và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Những TBKT của Viện đều phát huy hiệu quả cao trong quá trình chuyển giao. Phần lớn những giống được chuyển giao đều có thời gian sinh trưởng ngắn, kháng sâu bệnh, chất lượng tốt, thích nghi với đặc điểm sinh thái của vùng....

I. GIỚI THIỆU CÁC TBKT MỚI CỦA VIỆN CLT-CTP PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG

1. Giống cây đậu đỗ

Sử dụng các giống lạc, như L14, L17, L18, L23, L26, L27, L29, LCM-02; giống đậu tương ĐT26, Đ8, ĐT51, Đ2101, DT84, Đ9, ĐT34.

- ***Giống lạc L17:*** Giống có TGST 120-125 ngày. Cao cây trung bình đạt 39,8 cm ở vụ xuân và đạt 33,2 cm ở vụ thu đông, có 4,0-4,3 cành cấp I; 2-2,8 cành cấp II/cây, lá có dạng hình trứng thuôn dài, màu xanh đậm. Quả to, gân trên quả hơi mờ, mỏ quả trung bình-rõ, vỏ quả mỏng, hạt to, vỏ lụa màu hồng cánh sen và không bị nứt vỏ hạt. Khối lượng 100 hạt đạt từ 70-75g. Năng suất đạt 40-42 tạ/ha, tỷ lệ nhân 72-73%. Kháng khá bệnh mốc vàng. L17 là giống chịu thâm canh, thích hợp trồng vụ xuân và vụ thu đông (Vụ xuân gieo: 15/01-25/02; Vụ thu đông giao: 25/08-15/09), trên chân đất cát pha, thịt nhẹ.

- ***Giống lạc L27:*** Năng suất cao từ 40-45 tạ/ha, cao hơn 15-18% so với năng suất của giống L14. Chất lượng: Tỷ lệ nhân cao 72-73%, hạt có màu hồng cánh sen và là một trong những giống chứa hàm lượng dầu cao nhất hiện nay (53,0%), kích cỡ hạt khá (55-60g/100 hạt), là những tiêu chuẩn chất lượng được thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ưa chuộng. Khả năng thích ứng rộng, có thể trồng được cả ở vùng thâm canh (có tưới) và vùng hạn (nước trời). Trồng được 02 vụ trong năm: vụ Xuân và vụ Thu Đông.

- ***Giống lạc L23:*** Thời gian sinh trưởng 120 ngày trong vụ xuân, 105 ngày trong vụ thu đông. Cứng cây, chiều cao thân chính từ 45-50 cm, tán gọn, lá có màu xanh đậm. Quả eo trung bình, có gân rõ, vỏ lụa màu hồng nhạt, chịu thâm canh cao. Năng suất quả trung bình 50-55 tạ/ha, thâm canh có thể đạt 53 tạ/ha, năng suất quả khô của L23 cao hơn L14 từ 13-23% trong vụ xuân và 20% ở vụ thu đông. Khối lượng 100 quả 145-150 gram, khối lượng 100 hạt 58-61 gram, tỷ lệ nhân 70-72%. L23 có khả năng chịu hạn, kháng cao với bệnh gỉ sắt, đốm nâu, héo xanh vi khuẩn và sâu chích hút, kháng trung bình với bệnh đốm đen tốt, chống đổ tốt. Giống L23 có thể gieo trồng ở cả vụ xuân và vụ thu đông. Vụ xuân gieo từ 25 tháng 1 đến cuối tháng 2. Vụ thu đông gieo 15/8-25/9.

- ***Giống lạc L26:*** Thời gian sinh trưởng: 120-130 ngày ở vụ xuân, 100-105 ngày trong vụ thu đông. Giống này có chiều cao thân chính từ 35-45 cm, tán gọn, chống đổ tốt, lá có màu xanh đậm. Quả to, eo trung bình, gân rõ, vỏ lụa màu hồng, khối lượng 100 quả 168-78 gram, khối lượng 100 hạt 60-65 gram, tỷ lệ nhân 69-71%. Tiềm năng năng suất quả 50 -70 tạ/ha. L18 có khả năng kháng sâu cao, kháng bệnh hại lá (đốm nâu, đốm đen, gỉ sắt) và kháng bệnh héo xanh vi khuẩn trung bình, chịu thâm canh cao. Giống có thể gieo trồng ở cả 3 vụ (vụ xuân, vụ hè thu, vụ thu đông). Các tỉnh phía bắc: 15/01-25/02 (vụ xuân); 30/6-15/7 (vụ hè thu); 15/8-15/9 (vụ thu đông). Các tỉnh Duyên hải miền Trung: 01/12-30/01 năm sau (vụ xuân); 01/4-01/5 (vụ hè thu); 15/7-15/8 vụ thu đông).

- ***Giống đậu tương Đ8:*** Giống được chọn tạo từ tổ hợp lai: AK03 X M103 bằng phương pháp lai hữu tính từ vụ Xuân 2004. Giống công nhận chính thức năm 2016. Thời gian sinh trưởng: 75-85 ngày. Chiều cao cây: 45-50cm. Số quả chắc/ cây: 25-35 quả. Khối lượng 1000 hạt: 175-185 gam, hạt màu vàng sáng. Năng suất: 21-23 tạ/ha. Giống chống chịu khá với bệnh gỉ sắt, chịu rét, chống đổ tốt. Thích hợp gieo trồng 3 vụ (xuân, hè và đông) cho các tỉnh phía Bắc.

- ***Giống đậu tương ĐT26:*** Thời gian sinh trưởng 90-95 ngày. Chiều cao cây 45-60cm, hoa màu trắng, hạt vàng, rốn nâu đậm, quả chín có màu nâu, phân cành khá từ 2-3 cành/cây, có 30-55 quả chắc/cây, tỷ lệ quả 3 hạt 20-40%. Khối lượng 1000 hạt (180-190 gam). Năng suất 21-29 tạ/ha. Giống ĐT26 nhiễm nhẹ bệnh gỉ sắt, chịu giũi đục thân, chống đổ. Giống thích hợp nhất trong vụ xuân và vụ đông, có thể gieo trồng trên nhiều loại đất, nhưng thích hợp nhất là đất cát pha, thịt nhẹ giàu dinh dưỡng, dễ tưới tiêu. Thời vụ: Vụ xuân: 20/2- 5/3; Vụ đông: 20/9-30/9.

- ***Giống đậu tương ĐT51***: Giống đậu tương ĐT51 có thời gian sinh trưởng trung bình 90-95 ngày, hoa màu tím, hạt vàng, rốn nâu đậm, quả chín có màu vàng. Chiều cao cây 45-55cm, phân cành khá từ 2 cành/cây, số quả chắc cao, tỷ lệ quả 3 hạt 25-30 %. Khối lượng 1000 hạt (175-200 gam). Năng suất 20-29 tạ/ha, tuỳ thuộc vào mùa vụ và điều kiện thâm canh. Giống thích hợp trong vụ hè, xuân và vụ đông. Giống ĐT51 nhiễm nhẹ bệnh virut, đốm nâu.

2. Giống cây có củ

- ***Giống khoai tây KT1:*** Có khả năng sinh trưởng mạnh, thời gian sinh trưởng trung bình (85-90 ngày), tiềm năng năng suất cao (25-30 tấn/ha) và ổn định. Giống khoai tây KT1 là giống chống chịu bệnh virus tốt, chống chịu bệnh mốc sương và bệnh héo xanh khá, chịu nhiệt tốt. Giống khoai tây KT1 có chất lượng cao, dạng củ oval, màu vỏ củ và ruột củ màu vàng, phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng. Hàm lượng chất khô cao 21-23%, hàm lượng tinh bột 14-17%, hàm lượng đường khử < 0,1 gam/100 gam. Phù hợp cho ăn tươi và chế biến công nghiệp.

- ***Giống khoai tây KT4:*** Có thời gian sinh trưởng trung bình 85-90 ngày. Dạng củ hình oval, màu vỏ củ và ruột củ màu vàng tiềm năng năng suất cao 25-30 tấn/ha. Hàm lượng chất khô đạt từ 19,6-20,2%, tinh bột 16,6-16,8%, đường khử 0,42-0,51%. Giống phù hợp với nhu cầu ăn tươi. Giống khoai tây KT4 là giống có nguồn gen chống chịu bệnh virus. Mức độ nhiễm sâu bệnh hại chính thấp.

- ***Giống khoai tây KT5:*** Có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, thời gian sinh trưởng khoảng 85-90 ngày, dạng cây nửa đứng, chiều cao cây trung bình 60-70cm, độ đồng đều cao, hoa trắng; nhiễm nhẹ một số sâu bệnh hại chính như (rệp, nhện, bọ trĩ gây hại ở mức nhẹ, bệnh mốc sương, bệnh héo xanh thấp. Khả năng thích ứng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (chịu hạn và chịu nóng ở mức nhẹ, chịu úng ở mức trung bình từ 2-3 điểm). Giống khoai tây KT5 có dạng củ hình oval, mắt nông, vỏ củ màu vàng sáng bóng đẹp, ruột củ vàng, số lượng củ/cây trung bình từ 6-8 củ, năng suất đạt cao từ 23-25 tấn/ha, ổn định, tăng so với giống đối chứng Solara từ 12-15%, tỷ lệ củ thương phẩm đạt >50%, tỷ lệ hao hụt sau bảo quản thấp.

- ***Giống khoai tây KT6:*** Có thời gian sinh trưởng ngắn 75-80 ngày. Chiều cao cây từ 50-55 cm, dạng cây đứng. Củ hình oval, mắt nông, vỏ củ màu vàng, ruột củ màu vàng đậm. Số củ/khóm từ 6-8 củ. Năng suất đạt từ 21-25 tấn/ha. Hàm lượng chất khô 19-20%, đường khử đạt 0,5% và tinh bột 16-17%. Giống phù hợp cho nhu cầu ăn tươi. Giống nhiễm nhẹ sâu bệnh hại chính, nhiễm nhẹ bệnh mốc sương (điểm 3). Địa điểm áp dụng: Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nội, Lạng Sơn,

- ***Giống khoai tây KT7***: Có thời gian sinh trưởng từ 85-90 ngày, dạng cây nửa đứng, thân cây mập và khỏe, bản lá to, tán lá xòe, màu sắc thân và lá xanh nhạt, khả năng sinh trưởng phát triển tốt. Mức độ nhiễm nhẹ với một số bệnh hại chính như: Vi-rút và héo xanh, nhiễm bệnh mốc sương. Giống khoai tây KT7 có dạng củ hình oval, mắt củ nông, vỏ củ và ruột củ màu vàng, số củ/khóm đạt từ 6-8 củ, là giống có tiềm năng năng suất cao đạt 21,33-25,08 tấn/ha ổn định tại các điểm khảo nghiệm, tăng hơn so với giống đối chứng Solara từ 21,7- 42,6%.

- ***Giống khoai lang VC6:*** Thời gian sinh trưởng từ 130-140 ngày cho vụ xuân và 110-115 ngày ở vụ đông, dạng thân nửa đứng, lá hình tim, lá non màu tím, dạng củ hình

tròn-dài, vỏ củ màu đỏ, ruột củ màu trắng ngà, năng suất củ cao đạt 25,3-26,0 tấn/ha, vượt 36,8-39,8% so với đối chứng Hoàng Long đạt 19,36 tấn/ha, hàm lượng chất khô củ đạt 32,7-34,6%, hàm lượng tinh bột củ đạt 22,2 22,48, chất lượng ăn nếm độ bở (điểm 1); độ ngọt trung bình (điểm 3).

- Giống khoai lang VC7: Thời gian sinh trưởng từ 130-140 ngày ở vụ xuân và từ 110-115 ngày ở vụ đông, dạng thân nửa đứng, lá hình tim, dạng củ thuôn dài, vỏ củ màu đỏ, ruột củ màu vàng nhạt, năng suất củ đạt 25,8-26,3 tấn/ha, vượt 34,7-36,0% so với đối chứng Hoàng Long đạt 19,44 tấn/ha, hàm lượng chất khô củ đạt 33,2-36,8%; hàm lượng tinh bột củ đạt 22,7- 23,56%, chất lượng ăn nếm độ bở (điểm 1); độ ngọt (điểm 2).

- Các giống khoai lang KB1, KL5, KLC266, KL20-209, KLC3…: Giống khoai lang KB1: TGST 110-120 ngày. Năng suất củ trung bình 18-20 tấn/ha, nếu thâm canh tốt có thể đạt 25-30 tấn/ha, tỷ lệ củ thương phẩm cao. Khả năng thích ứng rộng, có thể trồng được 2 vụ/năm; Giống khoai lang KL20-209: TGST vụ xuân 120-130 ngày, vụ thu đông 90-100 ngày, năng suất đạt 17-20 tấn/ha, vỏ đỏ hồng, ruột củ màu vàng, chất lượng ăn ngon; Giống khoai lang KLC3: năng suất cao 20-25 tấn/ha, vỏ và ruột củ màu vàng, chất lượng ăn ngon…

3. Một số giống rau, quả mới

- Giống cà chua lai VT15: Là giống cà chua lai (F1), công nhận năm 2021. Giống thuộc dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, thời gian sinh trưởng từ 120-135 ngày, thu quả đầu sau trồng 70-75 ngày sau trồng, chiều cao cây 120-138 cm. Năng suất đạt 50-60 tấn/ha, số quả/cây từ 25-30 quả, khối lượng quả 100-110 gam. Quả có dạng hình đẹp, thon, dài, quả chín đỏ tươi, cùi dày, ít hạt. Khả năng chống chịu bệnh sương mai, héo xanh khá, virus xoăn vàng lá khá.Thời vụ gieo trồng tốt nhất tại các tỉnh phía Bắc từ 5/9-15/10.

- Giống cà chua quả nhỏ Hoàng anh 1: Là giống cà chua lai (F1) đang khảo nghiệp sản xuất. Giống thuộc dạng hình sinh trưởng vô hạn, thời gian sinh trưởng từ 140-150 ngày, thu quả đầu sau trồng 70-75 ngày sau trồng, chiều cao cây 2,0-2,5 cm. Năng suất đạt 55-60 tấn/ha, số quả/cây từ 300-350 quả, khối lượng 80 quả/kg. Quả có dạng tròn hơi dài, quả chín có màu vàng tươi, cùi dày, ít hạt, ăn giòn, ngọt, độ Brix đạt 9-12%. Khả năng chống chịu bệnh sương mai, héo xanh khá, virus xoăn vàng lá khá.

- Giống bí xanh Thiên thanh 5: Là giống thuần được công nhận năm 2012 và bảo hộ năm 2016. Giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, thích nghi rộng, trồng được cả 2 vụ (xuân hè và thuđông). Thời gian sinh trưởng 120-125 ngày (xuân hè), 95-100 ngày (Tthu đông), năng suất đạt 50-55 tấn/ha (vụ xuân hè) và 40-45 tấn/ha (vụ thu đông). Quả dạng thuôn dài, chiều dài quả 60-70 cm, đường kính quả 6-8 cm, vỏ xanh đậm, đặc ruột, ruột chắc, màu phớt xanh, ít hạt. Hàm lượng chất khô đạt 9,82%, hàm lượng đường tổng

số cao, độ chua thấp, ăn mát, không chua.Thời vụ gieo trồng tốt nhất tại các tỉnh phía Bắc từ 25/8-15/10.

- ***Giống bí xanh Thanh Ngọc 2:*** Là bí xanh lai đang được khảo nghiệm sản xuất. Giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, thích nghi rộng, trồng được cả 2 vụ (xuân hè và thuđông). Thời gian sinh trưởng 125-130 ngày (xuân hè), 100-110 ngày (thuđông), năng suất đạt 50-55 tấn/ha (vụ xuân hè) và 35-40 tấn/ha (vụ thu đông). Đặc biệt giống có quả ngắn, chiều dài quả 30-35 cm, đường kính quả 6-8 cm, vỏ xanh đậm, đặc ruột, ruột chắc, màu phớt xanh, ít hạt. Hàm lượng chất khô đạt 9,35%, độ chua thấp, ăn mát, không chua được thị trường người tiêu dùng yêu thích. Thời vụ gieo trồng tốt nhất tại các tỉnh phía Bắc từ 25/8 - 20/10.

- ***Giống bí đỏ Mật sao số 2:*** Giống có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, thân lá xanh đậm, nhiều nhánh, chống chịu khá với bệnh héo xanh vi khuẩn, bệnh phấn trắng. Giống thích hợp trồng trong vụ xuân hè và thuđông. Quả có dạng tròn dài, thịt quả dày, màu vàng cam sẫm, dẻo, đạt tiêu chuẩn chế biên xuất khẩu, khối lượng quả trong khoảng 2,0-3,5 kg/quả, ăn ngon. Giống có số lượng hoa cái nhiều, tỷ lệ đậu quả cao, từ 2-3 quả/cây, năng suất trung bình đạt 1.000 -1.200 kg/sào Bắc Bộ (25-28 tấn/ha).

- ***Giống dưa chuột lai PC4:*** Là giống lai F1 từ tổ hợp lai (DL7 x TL.15). Giống có thời gian sinh trưởng ngắn 85-90 ngày, thời gian thu quả kéo dài 40-45 ngày, sinh trưởng khoẻ, thân mập, lá xanh đậm. Năng suất cao bình quân (45-50 tấn/ha), dạng quả: dài 20-25 cm, đường kính quả 2,8-3,2 cm, vỏ màu xanh đậm, đặc ruột, cùi dày 1,3cm, quả có phẩm chất tốt, giòn, thơm thích hợp thị hiếu tiêu dùng trong nước và đạt tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu. Thời vụ gieo trồng tốt nhất trong vụ thu đông gieo hạt từ 5/9-5/10.

- ***Giống dưa chuột lai VC09:*** Là giống lai (F1) được chọn tạo từ tổ hợp lai (dòng mẹ TL67 x dòng bố DL07). Giống có khả năng sinh trưởng phát triển khỏe, năng suất cao và chất lượng tốt ở cả 2 vụ Xuân Hè và Thu Đông. Thời gian sinh trưởng 95-110 ngày, sau trồng 32-35 ngày bắt đầu cho thu quả đầu, thời gian cho thu quả từ 30-35 ngày. Thân, lá có màu xanh đậm, phân nhánh trung bình. Vỏ quả màu xanh đậm, gai trắng, quả dài từ 19-21 cm, đường kính 3,0-3,3 cm, cùi dày, đặc ruột, ăn giòn, phù hợp cho ăn tươi. Khối lượng trung bình quả dao động từ 155-161 gam. Năng suất trung bình đạt 49,55-53,75 tấn/ha ở cả 2 vụ xuân hè và thu đông.

- ***Giống đậu cô ve leo VC5:*** Là giống thuần được chọn lọc từ giống đậu co ve nhập nội**.** Giống có thời gian sinh trưởng từ 85-90 ngày, cây sinh trưởng phát triển tốt, thân lá xanh đậm, hoa trắng phớt tím, thân tím, hạt đen. Thu quả đầu sau gieo hạt 40-45 ngày. Năng suất trung bình đạt 25-27,0 tấn/ha. Giống đậu cô ve VC5, quả có chất lượng tốt, chiều dài quả 18-24 cm, tròn, đường kính quả 1,2 cm, vỏ nhẵn, màu xanh non, đặc ruột, ít hạt, ăn giòn và đậm hơn các giống đậu cô ve khác.Thời vụ gieo hạt tại các tỉnh phía Bắc từ 25/8 đến 5/10.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG TẠI CÁC TỈNH PHÍA BẮC

1. Cần lựa chọn bộ giống trồng phù hợp trong vụ đông của vùng

Cần lựa chọn bộ giống rau, màu với các giống lai (F1) hoặc giống thuần phù hợp trồng và cho hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện vụ đông tại các tỉnh phía Bắc:

Ở vụ Đông sớm; gieo, trồng từ tháng 8 đến tháng 9 nên chọn giống rau màu trồng có thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chịu nhiệt tốt và khả năng chống chịu khá với bệnh héo xanh vi khuẩn và đốm nâu... Một số giống rau màu có thể lựa chọn sau; Cải bắp bao gồm các giống: KK Cross, SaKata N0-70, T40 (Takii)... Giống cà rốt: Ti103, VL444. Giống bí xanh: Thiên Thanh 5, Số 2 và bí xanh Sặt, giống bí xanh ANOVA. Giống cà chua: Savior, Montavi, Anna... Giống bí đỏ: bí cô tiên, bí Mật sao Số 2, Arjuma, Suprema... Giống đậu tương: DT84,.... khoai lang với các giống khoai lang Nhật, KB1, KLC3, VC6, VC7.. có chất lượng cao và các giống ngô nếp chất lượng cao...

Trong vụ Đông chính vụ và vụ muộn tại các tỉnh phía Bắc (gieo hạt từ tháng 9 đến tháng 11) được gieo trồng với các chủng loại rau, màu có ngồn gốc ôn đới, án nhiệt đới, như: cải xanh, cải bắp, súp lơ, cà rốt, hành, tỏi, rau họ đậu, khoai tây các loại... Tuy nhiên, ở thời vụ này cần chọn giống rau màu có khả năng thâm canh cao, năng suất cao, chất lượng tốt, sản phẩm đạt tiêu chuẩn cho xuất khẩu lớn: Như cây cải bắp, giống: SaKata VL560, SaKata- No70, Sakata VL81. Súp lơ, giống: SaKata 1506, Incly,.... Cà rốt: Ti103, Super VL444. Dưa chuột, giống: Ninja 179, Marinda, giống Cúc 71, Cuc 336, PN272, Galaxy102, PC4, VC9, Xuân Yến... Cây khoai tây: Solara, Atlantic, KT3, KT4, KT5, KT6, KT7....

2. Cần quy hoạch vùng sản xuất tập trung và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới

Các địa phương cần chủ động, quy hoạch vùng sản xuất rau màu hàng hóa, tập trung. Vùng sản xuất cần đảm bảo các yếu tố kỹ thuật chính, như: giao thông, thủy lợi, nguồn nước, môi trồng sản xuất... đạt tiêu chuẩn áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đặc biệt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu cho Doanh nghiệp.

Cần có cơ chế chính sách cho các địa phương hỗ trợ các mô hình sản xuất tập trung, mô hình áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất cây rau màu vụ đông quy mô lớn, mô hình sản xuất theo chuỗi, mô hình sản xuất an toàn… để thúc đẩy, phát triển sản xuất.

Cần xây dựng công thức luân canh cây trồng hợp lý để đảm bảo cho cây vụ đông của vùng được trồng trong khung thời vụ tốt nhất, phát huy điều kiện ngoại cảnh tối ưu cho cây phát triển và cho năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao nhất.

Cần tiếp cận và phát triển mô hình sản xuất cây vụ Đông theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, như: công nghệ sản xuất cây giống theo quy mô

công nghiệp, công nghệ sử dụng màng phủ nông nghiệp trong sản xuất, công nghệ sản xuất rau màu trong nhà màng, nhà lưới đơn giản, sản xuất rau màu theo công nghệ trồng cây trong vòm che thấp ở vụ Đông sớm, vụ muộn...

3. Cần tổ chức mô hình liên kết hợp tác với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm nông sản bền vững

Các địa phương cần chủ động thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT về tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chuỗi giá trị và phát triển bền vững; tập trung phát triển một số cây trồng có giá trị kinh tế cao, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân; mở rộng diện tích các loại có cây trồng có thị trường tiêu thụ tốt, khá ổn định như: dưa chuột, bí xanh, bí đỏ, cải bắp, hành tỏi, khoai tây và ngô ngọt…

Cần có các cơ chế, chính sách, phù hợp cụ thể để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển cây vụ Đông. Tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, khuyến khích các doanh nghiệp ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ những vùng có diện tích cây vụ Đông lớn, tập trung và ổn định./.

VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SÂU BỆNH ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY VỤ ĐÔNG BỀN VỮNG

Viện Bảo vệ thực vật

I. MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG DỊCH HẠI CHÍNH TRÊN CÂY VỤ ĐÔNG

1. Cây ngô đông

1.1. Sâu, chuột hại

- Sâu keo mùa thu: Là loài đa thực, có sức phá hoại lớn, sức sinh sản cao, thời gian trưởng đẻ trứng dài, trên đồng ruộng thường có hiện tượng các lứa sâu gối nhau. Mặt khác do thời vụ ngô ở phía Bắc khá phức tạp, một số vùng sản xuất chuyên canh ngô do đó trên đồng luôn có sẵn nguồn ký chủ rất thuận lợi cho sự phát sinh gây hại của sâu. Dự báo trong vụ Đông 2021, khả năng các trà ngô bị sâu gây hại nặng là rất lớn. Cần theo dõi sát diễn biến của sâu, đặc biệt giai đoạn cây con đến xoắn nõn để phòng trừ kịp thời.

- Sâu đục thân, đục bắp, rệp cờ thường phát sinh gây hại nặng từ giai đoạn ngô xoắn nõn trở đi làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Châu chấu, chuột hạingô cần phải được quan tâm theo dõi để phòng trừ.

1.2. Bệnh hại

Bệnh đốm lá, bệnh rỉ sắt, bệnh khô vằn, bệnh thối rễ,... là những bệnh có thể phát sinh gây hại đối với ngô cần phải được quan tâm theo dõi để phòng trừ khi cần thiết.

2. Cây lạc

2.1. Sâu khoang, sâu xanh

Sâu thường phát sinh gây hại ngay từ giai đoạn cây con cho đến khi thu hoạch. Song cần đặc chú ý theo dõi phòng trừ từ thời kỳ ra hoa đến khi củ vào chắc.

2.2. Nhóm bệnh hại lạc

Bệnh héo xanh vi khuẩn: Bệnh thường hại nặng trên chân đất cát thô, cát pha, đất thoát nước kém,... Đặc biệt bệnh phát sinh và lây lan nhanh sau những đợt nắng nóng có mưa xen kẽ, ruộng lạc ngập nước ẩm ướt.

Bệnh héo vàng (héo vàng mốc đen, mốc trắng): Bệnh héo vàng gốc mốc đen thường gây hại nặng thời kỳ cây con, bệnh héo vàng gốc mốc trắng thường phát sinh gây hại nặng từ thời kỳ lạc ra hoa trở đi. Điều kiện mưa ẩm, ruộng ngập úng, bón vôi ít, bón phân chuồng chưa hoai mục, rất thuận lợi cho bệnh phát sinh gây hại.

Các bệnh khác: Bệnh đốm nâu, đốm đen, gỉ sắt là bệnh thường gặp trên ruộng lạc chăm sóc kém và vào cuối thời kỳ sinh trưởng của lạc.

3. Cây rau màu thực phẩm và đậu đỗ

3.1. Sâu hại

- ***Bọ nhảy:*** Là đối tượng hại nặng trên cây họ hoa thập tự. Sâu trưởng thành gây hại để lại những lỗ thủng lố chỗ dày đặc trên phiến lá làm giảm mẫu mã, năng suất và phẩm chất rau. Sâu non sống trong đất, gặm ăn rễ làm cho cây còi cọc, héo, bị thối.

- ***Sâu keo da láng:*** Phát sinh gây hại trên nhiều loại rau, trong suốt quá trình sinh trưởng của cây, sâu đặc biệt gây hại rất nặng trên cây hành hoa. Đây là loại sâu đã có tính quen thuốc, kháng thuốc nên rất khó phòng trừ do đó việc phòng trừ sâu cần phải kết hợp cùng lúc nhiều biện pháp.

- ***Sâu tơ:*** Là loài sâu hại chính và nguy hiểm trên các loại rau họ hoa thập tự đặc biệt trên xu hào, cải bắp, súp lơ. Sâu gây hại trong suốt quá trình sinh trưởng của rau. Đây cũng là loại sâu đã có tính quen thuốc, kháng thuốc cao nên trông phòng trừ cần kết hợp cùng lúc nhiều biện pháp.

- ***Sâu xanh, sâu khoang:*** Phát sinh gây hại trên hầu hết các loại rau, đậu,... trong suốt quá trình sinh trưởng của cây. Sâu cắn khuyết lá đến trụi lá (đối với rau ăn lá và đậu đỗ), đục ăn hoa và quả non (đối với rau ăn quả đậu đỗ thời kỳ làm quả) làm ảnh hưởng lớn đến mẫu mã, năng suất và phẩm chất rau.

- ***Rệp các loại:*** Phát sinh gây hại trên hầu hết các loại rau, đậu đỗ từ thời kỳ cây con cho đến thuhoạch và nặng nhất là vào giai đoạ n rau đã xanh tốt. Chúng thường tập trung gây hại với mật độ cao, trên các bộ phận non (ngọn, hoa, quả non) làm cho cây còi cọc, xoăn lại và không phát triển được.

- ***Sâu đục quả:*** Sâu phát sinh gây hại trong suốt thời kỳ sinh trưởng của cây, song tác hại lớn nhất vào thời kỳ ra hoa hình thành quả cho đến lúc thuhoạch, sâu gây hại nặng nhất vào thời kỳ quả lớn. Thời kỳ đầu sâu thường cuốn và đục ăn các lá búp, thời kỳ ra quả sâu đục ăn thịt quả làm giảm phẩ m chất và năng suất rau quả. Các loại rau ăn quả như: cà pháo, cà dừa, cà chua, đậu đỗ,...thường bị sâu gây hại nặng.

- ***Nhện hại:*** Phát sinh gây hại trên nhiều loại cây trồng từ giai đoạn cây con cho đến khi thu hoạch. Nhện hại làm cho chồi bị biến dạng, lá bị mất màu, cây sinh trưởng kém,. làm giảm năng suất và mẫu mã sản phẩm. Đây là đối tượng có vòng đời ngắn, kích thước cơ thể nhỏ nên cần chú ý trong phát hiện và phòng trừ.

3.2. Bệnh hại

- ***Bệnh lở cổ rễ:*** Là bệnh hại phổ biến trên nhiều loại rau màu. Bệnh gây hại trong suốt quá trình sinh trưởng của cây nhưng nặng nhất ở thời kỳ cây con trong vườn ươm và giai đoạn mới trồng. Nấm bệnh xâm nhập vào gốc, rễ làm cho gốc, rễ thối đen dẫn đến chết cây.

- Bệnh mốc sương: Bệnh hại chủ yếu trên cà chua, khoai tây, đặc biệt gây hại nặng trong điều kiện nhiệt độ thấp, ẩm độ cao, sau những đợt gió mùa đông bắc. Bệnh gây hại tất cả các bộ phận của cây làm cho lá bị cháy, thân cành gãy gục, quả thối khô rụng.

- Bệnh thán thư: Bệnh gây hại trên nhiều loại rau khác nhau như: Ớt cay, rau cải, bắp cải, khoai tây, hành hoa. và gây hại hầu hết các bộ phận trên mặt đất, làm cho lá bị cháy, cành bị khô, quả bị đốm và thối.

- Bệnh đốm lá: Là bệnh phổ biến đối với tất cả các loại rau quả, tuy nhiên phát sinh mạnh trên ruộng rau chăm sóc kém, bón phân không cân đối, nếu bệnh nặng cũng làm giảm mẫu mã, năng suất và phẩm chất rau đáng kể .

- Bệnh héo xanh vi khuẩn: Gây hại nặng trên những loại rau thuộc họ cà và họ đậu, họ bầu bí. Bệnh hại làm cho cây héo và chết đột ngột trong khi thân lá vẫn còn màu xanh, bệnh có thể phát sinh gây hại trong suốt quá trình sinh trưởng đặc biệt gây hại nặng sau các đợt nắng, mưa xen kẽ, trên những chân ruộng thấp, thoát nước kém.

- Bệnh thối nhũn bắp cải: Bệnh thường phát sinh gây hại trên bắp cải bắt đầu cuốn đến thu hoạch và cả trong bảo quản. Bệnh phát triển thuận lợi trong điều kiện kiện mưa ẩm, ruộng bón nhiều đạm hoá học.

II. GIẢI PHÁP PHÒNG TRỪ

1. Cây ngô đông

1.1. Sâu keo mùa thu

Xác định việc phòng chống sâu keo mùa thu phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản của chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Các biện pháp cụ thể gồm:

- Biện pháp canh tác:

+ Làm sạch cỏ dại xung qanh vườn trồng ngô để hạn chế nơi trú ẩn của sâu.

+ Làm đất kỹ để diệt ấu trùng, nhộng và dễ dàng bị thiên địch tiêu diệt.

+ Sử dụng các giống kháng, giống chống chịu để thay thế các giống bị sâu gây hại nặng. (hiện nay các giống ngô chuyển gen như NK 7328 Bt/GT, NK 4300 Bt/GT, NK 66 Bt/GT, ĐK 6919S, ĐK 9955S,... có mức độ bị hại thấp hơn nhiều so với các giống khác).

- Biện pháp thủ công, sử dụng bẫy bả:

+ Thường xuyên kiểm tra đồ ng ruộng để phát hiện, bắ t diệt các ổ trứng, sâu non.

+ Sử dụng bẫy dính màu vàng có pheromone giới tính, bẫy bả chua ngọt hoặc bẫy đèn dể diệt trưởng thành.

+ Bẫy cây trồng: Trên cánh đồng trồng ngô trồng một s ố diện tích ngô ngọt, ngô nếp sớ m hơn so với thời vụ chungđể dẫn dụ trưởng thành đẻ trứng và tiêu diệt sâu trên diện tích bẫy cây trồng.

- Biện pháp sinh học:

+ Sử dụng các chế phẩm nấm xanh, nấm trắng, vikhuẩn Bt, virus NPV để phun trừ khi sâu tuổi nhỏ.

+ Bảo vệ các thiên địch tự nhiên của sâu như: ong ý sinh trứng, ký sinh sâu non, các loại bắt mồi ăn thịt như bọ đuôi kìm, chân chạy,... để kiểm soát sâu non tuổi nhỏ.

- Biện pháp hóa học:

+ Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất như: Indoxacarb (Ammate 150SC, Clever 150SC; 300WG, Opulent 150SC, Obaone 95WG,...), Lufenuron (Match 050EC,...) Spinetoram (Radiant 60SC,...), Emamectin benzoate (Angun 5 WDG, Map Winner 5WG,…) ... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-3 (ngô giai đoạn cây 3 - 9 lá), phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun tập trung vào nõn cây ngô. Phun 2 lần cách nhau 7-10 ngày, lượng nước phun 400 - 600 lít/ha.

+ Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo theo nguyên tắc 4 đúng.

1.2. Chuột hại

Điều tra xác định những vùng có nguy cơ bị chuột gây hại cao để có kế hoạch tổ chức phòng trừ chuột ngay từ đầu vụ bằng các biện pháp như:

- Vệ sinh đồng ruộng, tàn dư cây trồng, phát quang bờ bụi rậm để hạn chế nơi cư trú của chuột.

- Phát động chiến dịch cao điểm bắt diệt chuột trên diện rộ ng bằng biện pháp thủ công như: Đào hang bắt chuột, hun khói, đổ nước để bắt chuột. Dùng các loại bẫy kẹp vạn năng, bẫy bán nguyệt bẫy sập, bẫy hom, bẫy dính soi đèn để bắt vào ban đêm,... Thời điểm diệt chuột tốt nhất ngay từ đầu vụ khi ngoài đồng chưa có cây trồng hoặc sau các đợt mưa lụt và duy trì bắt diệt chuột thường xuyên trong suốt vụ sản xuất.

- Tăng cường phát triển đàn mèo, bảo vệ các thiên địch tự nhiên của chuột như mèo, rắn, chim cú mèo,...

- Chỉ sử dụng các thuốc diệt chuột có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được pháp sử dụng tại Việt Nam, trong đó ưu tiên lựa chọn các thuốc ít độc với người, vật nuôi và môi trường như các thuốc có hoạt chất: Brodifacoum, Bromadiolone, Flocoumafen, Coumatetralyl,... để diệt chuột. Tập trung đặt bả ở khu vực bờ vùng, bờ thửa, mương máng, các vùng cồn vệ, nghĩa trang, công trình thủy lợi, những nơi có mật độ chuột cao.

Một số lưu ý để đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả bắt diệt chuột: Diệt chuột phải thường xuyên và mang tính cộng đồng. Khi sử dụng bả diệt chuột phải được quản lý chặt chẽ, xác chuột chết phải thu gom lại đốt thiêu hủy hoặc chôn cách xa khu dân cư, xa nguồn nước sinh hoạt, khi chôn rắc vôi xuống phía dưới và phía trên rồi lấp đất nén chặt.

1.3. Sâu đục thân, đục bắp

Thường xuyên giám sát đồng ruộng, phát hiện kịp thời khi sâu còn nhỏ, nếu mật độ cao có thể dùng các loại thuốc có hoạt chất: Chlorantraniliprole (Prevathon 5SC, Voliam targo 063SC, Virtako 40WG,...) để phun trừ.

1.4. Rệp cờ

Gieo trồng với mật độ vừa phải, bón phân cân đối hợp lý tạo cho cây khoẻ hạn chế tác hại do rệp gây ra. Khi có mật độ rệp cao, cây ngô ở giai đoạn hình thành hạt trở về trước dùng một trong các loại thuốc sau để xử lý: Thiamethoxam (Actara 25WG,.); Imidacloprid (Confidor 100SL,.); để phun trừ theo liều khuyến cáo.

1.5. Bệnh khô vằn

Chăm sóc ngô đúng quy trình kỹ thuật, phát hiện kịp thời khi có tỷ lệ bệnh trên 10% có thể dùng các loại thuốc có hoạt chất như: Validamycin (Jinggang meizu 5-10WP, Validacin 3-5L, Vida 5WP...); Hexaconazole (Anvil 5SC, . .) để phun trừ trên những diện tích bị gây hại nặng.

2. Cây lạc

2.1. Sâu khoang, sâu xanh

Khi phát hiện mật độ sâu non từ 10-15 con/m^2 đối với lạc ở thời kỳ cây con - ra hoa và 20-25 con/m^2 trở lên đối với thời kỳ phát triển củ cần sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Indoxacarb (Ammate 150SC, Clever 150SC; 300WG, Opulent 150SC, Obaone 95WG,.); Flubendiamide (Takumi 20WG); Emamectin benzoate (Angun 5 WDG, Map Winner 5WG,.) phun theo liều khuyến cáo.

2.2. Đối với nhóm bệnh hại

Gieo trồng đúng quy trình kỹ thuật, lên luống cao (đối với những vùng đất thấp), có rãnh thoát nước nhanh khi gặp mưa to,... là những biện pháp có ý nghĩa nhất trong phòng chống bệnh.

Sử dụng nấm đối kháng *Trichoderma* để ủ phân chuồng bón cho cây trồng nhằm ngăn ngừa các loại nấm bệnh có nguồn gốc từ đất gây hại như: Bệnh lở cổ rễ, héo vàng…

Biện pháp sử dụng thuốc: Phòng trừ sớm khi bệnh mới xuất hiện đối với bệnh héo vàng, đốm lá, gỉ sắt,... bằng các loại thuốc có phổ tác động rộng để phòng trừ.

3. Cây rau màu thực phẩm và đậu đỗ

Phòng trừ dịch hại trên rau phải đảm bảo nguyên tắc vừa hạn chế được thiệt hại do sâu bệnh gây ra, vừa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.Các biện pháp cụ thể như sau:

+ Biện pháp canh tác kỹ thuật: Chọn đất trồng rau phù hợp đối với từng loại rau, sử dụng nguồn nước đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, bón phân cân đối hợp lý, không bón quá nhiều đạm và việc bón đạm phải đảm bảo thời gian cách li ít nhất 15 ngày đối vớicác loại rau ăn lá, quả,... Tuyệt đối không dùng phân hữu cơ chưa hoai mục, phân tươi để bón cho rau.

+ Làm đất kỹ để hạn chế các loại sâu hại trong tồn tại trong đất

+ Biện pháp sinh học: Sử dụng nấm đối kháng *Trichoderma*để ủ phân chuồng bón cho cây trồng nhằm ngăn ngừa các loại nấm bệnh có nguồn gốc từ đất, sử dụng các chế phẩm vi khuẩn Bt, virus NPV trong phòng trừ các loại sâu ăn lá bộ cánh vảy.

+ Biện pháp thủ công: Chăm sóc kết hợp với việc ngắt ổ trứng, vợt bắt sâu, bắt sâu bằng tay, nhổ bỏ hoặc cắt tỉa những cây bị bệnh đem xử lý hạn chế sự lây lan.

+ Biện pháp sử dụng thuốc: Chỉ phun thuốc BVTV khi thật sự cần thiết và chỉ được sử dụng các loại thuốc có trong danh mục thuốc được phép sử dụng trên rau. Khi phun phải đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc 4 đúng và tuân thủ nghiêm quy định về thời gian cách ly theo từng loại thuốc.

III. MỘT SỐ QUY TRÌNH SỬ DỤNG CHẾ PHẨM SINH HỌC PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI TRÊN CÂY TRỒNG

1. Quy trình sử dụng chế phẩm sinh học EntoNema-33 phòng trừ bọ nhảy (*Phyllotreta striolata Fabricius*) hại rau thập tự

1.1. Liều lượng sử dụng

Xử lý chế phẩm Entonema-33 với liều lượng 8 kg/ha. Hòa 300g chế phẩm Entonema-33 trong 32 lít nước phun cho 360m^2. Lượng dung dịch phun cho 1ha từ 800-1.000 lít.

1.2. Thời điểm sử dụng

Sử dụng chế phẩm Entonema-33 khi sâu non bọ nhảy bắt đầu xuất hiện.

- Với giai đoạn cây con khi mật độ trưởng thành là 0,3-0,5 con/cây; mật độ sâu non từ 0,2-0,3 con/cây.

- Với giai đoạn cây cải từ 4-5 lá thật đến thu hoạch khi mật độ trưởng thành 2-3 con/cây hoặc với mật độ 0,5-0,7 sâu non/cây.

1.3. Phương pháp sử dụng

+ Sử dụng chế phẩm Entonema-33 vào buổi chiều mát.

+ Trước khi xử lý tiến hành tưới ướt đều bề mặt cây và luống trồng.

+ Phun đều dung dịch có chứa tuyến trùng lên bề mặt luống rau bằng loại bình bơm có đường kính vòi phun ≥ 500µm.

+ Sau khi phun xong chế phẩm, tiến hành tưới lại nước lã lên cây và bề mặt luống lại 1 lần nữa để tuyến trùng xâm nhập vào đất tốt hơn.

+ Tiến hành xử lý lại lần 2 khi mật độ trưởng thành trên ruộng vẫn duy trì 2-3 con/cây hoặc mật độ sâu non vẫn duy trì 0,3-0,5 con/cây. Phương pháp xử lý lần 2 tương tự như phương pháp xử lý lần 1.

1.4. Biện pháp hóa học (Chỉ sử dụng khi thật sự cần thiết)

- Khi mật độ trưởng thành bọ nhảy cao thì có thể dùng thuốc có hoạt chất/hỗn hợp hoạt chất trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trên rau có hiệu lực trừ bọ nhảy:

+ Abamectin (Agromectin 1.8 EC, 5.0WG, 6.0EC; Reasgant 1.8EC, 2WG, 3.6EC, 5EC, 5WG) hoặc hỗn hợp abamectin với một số loại hoạt chất khác như: Abamectin + Azadirachtin (Mectinsuper 3.6EC, 37EC), Abamectin + Chlorflúazuron (Confitin 18EC, 36EC, 50EC, 75EC, 90EC), Abamectin + Emamectin benzoate (Divasusa 21EC, 50WP, 61WG, 126WG), Abamectin + Matrine (Aga 25EC), Abamectin + Petroleum oil (Tikrice 25EC);

+ Azadirachtin (Hoaneem 0.15EC, 0.3EC; Kozomi 0.15EC, 0.3EC, 1EC) hoặc Azadirachtin + Matrine (Biomax 1 EC);

+ Diafenthiuron (Pesieu 300WP, 350SC, 500WP, 500SC);

+ Emamectin benzoate + Matrine (Redconfi 11EC, 20EC, 21WP, 30EC, 61WG);

+ Pyrethrins + Rotenone (Biosun 3EW);

+ Rotenone + Saponin (Dibonin 5WP, 5SL, 5GR);

+ Spinosad (Akasa 25SC, 250WP; Suhamcon 25SC, 25WP; Wish 25SC).

Cách sử dụng: Sử dụng theo khuyến cáo trên bao bì với từng loại thuốc khác nhau. Đảm bảo thời gian cách ly.

Thời gian phun thuốc: Bọ nhảy trưởng thành ban ngày hoạt động mạnh, rất khó trừ nhưng đêm ít hoạt động và thường tập trung giữa nõn cải nên tiến hành phun thuốc lúc chập tối sẽ cho hiệu quả phòng trừ cao nhất.

Khi thu hoạch, để lại một diện tích nhỏ ở giữa ruộng để thu hút bọ nhảy tập trung vào đó rồi phun xịt thuốc (nêu trên), hạn chế mật độ bọ nhảy cho các vụ sau.

2. Quy trình sử dụng nấm đối kháng *Trichoderma* phòng trừ nấm bệnh hại rễ cây trồng như nấm *Fusarium, Phytophthora, Pythium, Rhizoctonia,...*

**** Hướng dẫn sử dụng***

- Liều lượng bón trực tiếp: 10-20 kg/ha.

- Liều lượng phun: 100gr/bình 16 lít.

- Liều lượng tưới: 200gr/100 lít nước.

- Liều lượng ủ phân: 0,5-1 kg/1 tấn phân chuồng.

- Phương pháp bón trực tiếp:

+ Gạt nhẹ lớp đất bề mặt từ gốc cây ra đến xung quanh mép lá, hoặc đào rãnh xung quanh gốc thẳng mép tán cây, sau đó rắc đều chế phẩm *Trichoderma harzianum* vào và lấp đất lại (nên kết hợp bón cùng với phân chuồng hoai mục).

+ Hòa nước phun hoặc tưới trực tiếp cho cây trồng ướt đều lá, thân, gốc.

+ Bón gốc: Bón 1-2 lần/ vụ, bón lót hoặc bón thúc.

- Cách ủ chế phẩm với phân chuồng hoai mục: Khuấy kỹ chế phẩm nấm *Trichoderma harzianum* với nước tưới đều vào đống phân, sau đó đảo trộn lại cho đều, 5-7 ngày đảo lại đống ủ, ủ sau 15 ngày là đạt.

**** Lưu ý:***- Đống phân ủ thấp và thoáng khí (chiều cao khoảng 50-80cm), nhiệt độ đống phân ủ không quá 40^0C.

- Thời gian bảo quản: 6 tháng.

3. Quy trình trồng và quản lý dịch hại trên cây ớt

Giai đoạn sinh trưởng - sâu bệnh hại chính	Biện pháp chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại		
	Canh tác	**Sinh học**	**Hóa học**
Cây con trong vườn ươm - Bệnh ở cổ rễ chủ yếu do nấm *Rhizoctonia solani* - Côn trùng gây hại (rầy, rệp, nhện nhỏ..)	- *Giống:* Có thể dùng các giống: GM40, Nun 2074, Hotchilli, Redchilli. - *Thời vụ:* Vụ thu đông: Gieo hạt vào thời điểm 10- 5/7dương lịch. Vụ xuân: Gieo hạt giữa tháng 1 dương lịch. - *Làm đất, bón lót:* Đất cát pha hoặc thịt nhẹ, nhiều mùn, thoát nước tốt, ít nguồn sâu bệnh, pH từ 6-7. Cày bừa kỹ, bón lót 0,5-0,7 kg supe lân/100m^2 và lên thành các luống cao 20-30 cm, mặt luống rộng 1,0-1,2 m, khoảng cách giữa các luống 40- 50 cm. - *Gieo hạt:* Chuẩn bị ruộng xong, xử lý nguồn bệnh trước khi đưa ra gieo (rắc). Trước khi rắc hạt dùng doa tưới nhẹ lên mặt luống. Dùng đất nhỏ trộn với hạt rắc kín mặt luống. cắm khung vòm tre để che cho cây con phòng thời tiế nắng gắt hoặc mưa rào.	Xử lý mầm bệnh trong đất trước khi reo hạt bằng chế phẩm sinh học *Trichoderma harzianum* liều lượng 50-80 kg/ha. Cách sử dụng: Trộn chế phẩm với phân chuồng hoai mục với tỷ lệ khối lượng chế phẩm nấm 1kg /tấn phân trồng. Bón phân chuồng ủ hoai với chế phẩm *Trichoderma* với liều lượng50-70kg /100m^2.	- Khi gặp điều kiện thời tiết (nhiệt độ 28 - 30^{o}C và ẩm độ cao, thời tiết âm u) thuận lợi cho nấm *Rhizoctonia solani* phát triển, tỷ lệ bệnh chết cây con ở mức cao có thể sử dụng hoạt chất Chlorothalonil, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. - Đối với các loại côn trùng gây hại (rầy, rệp, nhện nhỏ..) có

	- *Chăm sóc:* Gieo hạt xong thường xuyên theo dõi, đảm bảo đủ ẩm. Giai đoạn này phải đủ ẩm cho cây phát triển. Sau 20-25 ngày đạt chiều cao 12-15cm, số lá thật 4-6 lá (Cây khoẻ mạnh, cân đối, không dị hình, ngọn phát triển tốt, không có biểu hiện nhiễm sâu bệnh) đưa ra ngoài đồng ruộng để trồng.		thể sử dụng hoạt chất Thiamethoxam, Abamectin, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ.
Cây trồng ngoài đồng ruộng (từ khi trồng đến khi bắt đầu thu hoạch) ***Sâu hại:*** nhện trắng, rệp, bọ trĩ, và sâu ăn lá. ***Bệnh hại:***Chết cây con, héo rũ, đốm lá vi khuẩn	- *Thời vụ trồng:*Vụ đông trồng từ ngày 5/8- 10/8 dương lịch, Vụ xuân trồng cuối tháng 2 dương lịch thu hoạch từ tháng 4 đến đầu tháng 7. - *Làm đất, bón lót và lên luống:*Cày bừa kỹ làm đất tơi xốp, bón lót phân chuồng ủ mục: 5- 6 tạ + 10kg supe lân + 15- 20kg vôi /sào. Luống rộng: 1,2 m (hàng đôi), cao 0,3m, khoảng các giữa các luống (rãnh) rộng 0,4-50 cm. - *Kỹ thuật trồng.* Mật độ cây 800 cây /sào. Mỗi luống trồng 2 hàng, khoảng cách hàng cách hàng 50cm, cây cách cây 60cm, trồng theo kiểu nanh sấu, sau khi trồng tưới nước giữ ẩm để cây nhanh phục hồi. - *Chăm sóc:* Tiến hành giữ ẩm thường xuyên bằng cách tưới hốc hoặc tưới rãnh. Khi cây bắt đầu phân cành loại bỏ cành sát gốc chỉ để các nhánh từ vị trí chạc 3 trở lên (để cây thông thoáng hạn chế sâu bệnh và dinh dưỡng đi nuôi các cành không có hiệu quả), cắm cọc tre chống đổ, mỗi luống cắm 2 hàng với mật độ 70 - 80 cm cắm một que (lưu ý: hai hàng cắm cọc so le nhau) sau đó dùng dây nilon buộc nối các cọc lại để chống đổ cho cây. - *Bón phân:* Có thể dùng phân đơn hoặc NPK. Đối với phân NPK(20 - 20 - 15) ta có thể dụn ở liều lượ 650kg/ ha tương đương khoảng 24-25kg/sào với cách bón cụ thể như sau: + Sau khi trồng 5-7 ngày, có thể hoà loãng lượng đạm 1-2 kg/ sào tưới nhử cho cây phát triển.	- Phòng bệnh chết cây con bằng chế phẩm sinh học *Trichoderma harzianum* liều lượng 50-80 kg/ha, bón vào đất trước khi trồng. - Phòng bệnh héo xanh bằng chế phẩm sinh học *Bacillus.subtilis,Issatchenkia orientalis,* liều lượng 10 /ha/ 1 làn tưới. Tưới 2 lần vào giai đoạn 30 và 45 ngày sau trồng - Các loại sâu hại như rệp, bọ trĩ, và sâu ăn lá.. có thể sử dụng chế phẩm nấm trắng *Beauveria bassiana* phun với liều lượng 10 - 20kg/ha để hạn chế mật độ sâu trên đồng ruộng.	- Nếu mật độ nhện trắng từ 3-5 con trên lá có thể sử dụng hoạt chất Pyridaben hoặc Diafenthiuron phun theo liều lượng khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. - Nếu bệnh chết cây con nặng tỷ lệ bệnh trên 5% có thể dùng hoạt chất Chlorothalonil Nếu mật độ rệp bọ trĩ cao có thể dùng hoạt chất Dinotefuran hoặc Fipronil - Nếu bệnh héo xanh nặng, tỷ lệ trên 5% có thẻ dùng hoạt chất Tetramycin, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. - Các loại sâu ăn lá, đục trái… có thể dùng thuốc thảo mộc (Socopi, ANISAF SH - 01).

	+ Bón thúc: - Lần 1: 10-15 ngày sau trồng: 6 kg NPK - Lần 2: 25-30 ngày sau trồng: 4 kg NPK - Lần 3: Khi ớt đã đậu trái đều: 4 NPK+ 1kg Calcium nitrat. - Lần 4: Khi bắt đầu thu trái: 5 kg NPK + 1kg Calcium nitrat. ***Chú ý:*** Khi cây ra hoa, đậu quả nên bổ xung chất Bo để cây ra hoa đều, khỏe, tăng tỷ lệ đậu quả và chất lượng quả.		
Giai đoạn đoạn thu hoạch rộ đến cuối vụ ***Sâu hại:*** Nhện trắng, sâu đục trái. ***Bệnh hại:*** Héo rũ, héo xanh Bệnh thán thư, sương mai, thối trái sinh lý	- *Chăm sóc:*Cần tiến hành thăm đồng thường xuyên. Kiểm tra đồng ruộng phát hiện và kịp thời có biện pháp quản lý thích hợp đối với sâu, bệnh. Trong đố chú ý phát hiệc các đối tượng sâu từ khi còn mật độ thấp để có kế hoạch phòng trừ sớm. Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, cắt tỉa các lá già vàng úa tiêu hủy, luân canh cây trồng khác họ, chọn giống khỏe, sức đề kháng sâu bệnh tốt, giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Bón phân cân đối và hợp lý, tăng cường sử dụng phân hữu cơ sinh học, vi sinh. Chăm sóc theo yêu cầu sinh lý của cây (tạo cây khỏe). Thực hiện ghi chép nhật ký đồng ruộng thường xuyên - *Bón phân:* Bón thúc lần 4: Khi bắt đầu thu trái: 5 kg NPK (16 -16 -8) + 1kg Calcium nitrat. - Lần 5: Khi thu hoạch rộ: 5 kg NPK (16 -16 -8) + 1kg Calcium nitrat. **** Lưu ý:***Khi bón thúc xong 5 lần lượng phân còn lại hoà loãng tưới cho cây sau 1 hoặc 2 đợt lấy quả.	- Phòng bệnh héo rũ bằng chế phẩm sinh học *Bacillus subtilis, Issatchenkia orientalis,* liều lượng 10 lít/ ha/1 lần tưới trước khi thu trái 7 ngày. - Đối với bệnh thán thư hại quả nên xử dụng chế phẩm Nano curcumin (CFO) triết xuất từ củ nghệ cho hiệu quả phòng trừ cao, an toàn đối người sử dụng và đối vớ quả ớt.	- Đối với bệnh sương mai nên sử dụng hoạt chất Phosphonate, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. - Đối với bệnh thối trái sinh lý do thiếu canxi có thể dùng CaCl2, hoặc hỗn hợp Canxi bo để phun.

VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ NÔNG SẢN, SẢN PHẨM OCOP, RAU VỤ ĐÔNG TẠI HẢI DƯƠNG

Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Dương

I. MỞ ĐẦU

Hải Dương là tỉnh nông nghiệp nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, là vùng kinh tế trọng điểm của Bắc bộ, diện tích 1.662 km^2, dân số khoảng 1.916.700 người với 67,8% dân số sống ở nông thôn, 32,2% sống ở thành thị. Diện tích đất nông nghiệp của tỉnh khoảng 105.000ha, trong đó diện tích đất lúa khoảng 59.000ha, cây ăn quả 21.500ha, thủy sản 12.040ha, còn lại là đất cây lâm nghiệp và cây trồng khác. Diện tích gieo trồng cây hàng năm của Hải Dương khoảng 153.000-154.000 ha.Với vị trí địa lý, giao thông thuận lợi; thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp cho sản xuất nhiều loại cây trồng, vật nuôi chất lượng cao. Trong những năm gần đây, công nghiệp Hải Dương phát triển mạnh, tốc độ đô thị hoá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng về nông nghiệp. Cơ cấu Nông nghiệp, thuỷ sản - Công nghiệp + xây dựng + Dịch vụ năm 2018 là 9,9% - 57,3% - 32,8%, năm 2020 là 9,7% - 59,2% - 31,1%, tuy nhiên sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương luôn giữ ổn định và phát triển năm sau cao hơn năm trước, giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh năm 2020 là 19.071 tỷ đồng, năm 2021 (giá năm 2010) ước đạt 20.759 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2020.

II. SẢN XUẤT RAU MÀU, CÂY VỤ ĐÔNG VÀ SẢN PHẨM OCOP CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Tiềm năng thế mạnh

- Điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng của Hải Dương rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp với trên 105.000 ha đất nông nghiệp, được bồi đắp phù xa thường xuyên bởi hệ thống các con sông lớn.

- Sản xuất nông nghiệp Hải Dương đang hình thành và phát triển theo hướng hàng hóa tập trong để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đã có nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn cho năng xuất, sản lượng, chất lượng cao như: hành, tỏi (Nam Sách, Kinh Môn); cà rốt (Cẩm Giàng, Nam Sách); rau (Kim Thành, Gia Lộc); bí xanh (Bình Giang); vải (Thanh Hà, Chí Linh); củ đậu (Kim Thành); sắn dây (Kinh Môn)...

- Hải Dương có các sản phẩm nông nghiệp mang tính đặc sản mà nhiều nơi không có như: Vải thiều, cà rốt, gạo nếp cái hoa vàng, nếp quýt, ổi, gà đồi, rươi, cáy... Đây là lợi thế để nông nghiệp tỉnh Hải Dương có thể phát huy trong thời gian tới.

- Đã có nhiều sản phẩm nông nghiệp xây dựng được thương hiệu và tìm được chỗ đứng ổn định trên thị trường như: Vải thiều Thanh Hà, cà rốt Đức Chính, hành tỏi Kinh Môn, gà đồi Chí Linh, gạo nếp cái hoa vàng, sắn dây Kinh Môn,...

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn (VietGAP, GlobalGAP) ngày càng được quan tâm và áp dụng rộng rãi trong cả trồng trọt và chăn nuôi. Đến nay, toàn tỉnh đã có gần 600 ha rau màu, cây ăn quả được cấp giấy chứng nhận VietGAP, gần 10.000ha sản xuất theo quy trình VietGAP; 122 cơ sở chăn nuôi tập trung được cấp chứng nhận VietGAP và có khoảng trên 1.100 hộ chăn nuôi được tập huấn kỹ thuật sản xuất theo VietGAP.

- Chế biến nông sản ngày càng được đầu tư phát triển, đặc biệt là chế biến sâu. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đặc biệt là tránh được tình trạng được mùa rớt giá.

2. Sản xuất rau màu và cây vụ Đông

2.1. Diện tích

- ***Cây vụ Đông:*** Toàn tỉnh gieo trồng được 21.811 ha cây rau, màu các loại, đạt 101,4% KH, tăng 509 ha so với cùng kỳ năm trước (CKNT). Cơ cấu cây trồng được chuyển dịch theo hướng mở rộng diện tích cây trồng có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ như cây hành củ, cây cà rốt, cây bắp cải…Giá trị sản xuất cây vụ đông đạt 3.488 tỷ đồng tăng 8,66% so với cùng kỳ nămtrước.

- ***Cây rau màu vụ Đông 2021-2022:*** Đến ngày 10/11/2021, toàn tỉnh đã gieo trồng được 17.955ha cây rau, màu vụ Đông các loại, bằng 85,5% kế hoạch (KH: 21.000 ha). Trong đó: cà rốt 1.310 ha, ngô 1.620 ha; hành tỏi khoảng 6.398 ha, dưa bí các loại 1.540 ha, rau ăn lá các loại khoảng 6.250ha. Riêng diện tích trồng ngô, cà rốt, dưa bí các loại cao hơn cùng kỳ năm trước. Một số cây vụ Đông sớm đã cho thu hoạch, giá bán khá cao.

2.2. Kết quả sản xuất một số rau chủ lực trong vụ đông

2.1.1. Cây hành, tỏi củ

- Diện tích 6.155 ha, các địa phương có diện tích lớn như Kinh Môn 3.879ha, chiếm 63,02% diện tích hành toàn tỉnh (tập trung tại các xã Hiệp Hòa 396ha, Lê Ninh 340ha, Quang Trung 304ha, Lạc Long 283ha, Bạch Đằng 228ha, Thăng Long 225ha, Thượng Quận 220ha...); huyện Nam Sách 1.507ha, chiếm 24,48% (tập trung tại các xã Nam Trung 200ha, An Lâm 165ha, An Bình 160ha, Cộng Hòa 150 ha...); huyện Kim Thành 206ha, chiếm 3,35% (tập trung tại các xã Kim Xuyên 59ha, Việt Hưng 57ha, Cộng Hòa 35ha...); TP. Hải Dương 203ha, chiếm 3,3% (Tập Trung Quyết Thắng 105ha, Tiền Tiến 30ha) TP. Chí Linh 131 ha, chiếm 2,5%; các huyện còn lại 229ha, chiếm 3,7%.

- Năng suất hành, tỏi củ toàn tỉnh 154,57 tạ/ha, các địa phương có trình độ thâm canh cao như Kinh Môn cao nhất 165,6 tạ/ha, Nam Sách 153,18 tạ/ha.

- Sản lượng hành, tỏi củ 95.143 tấn, các địa phương có sản lượng lớn như Kinh Môn 64.251 tấn, Nam Sách 20.743 tấn…

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 291,9-316,9 triệu đồng/ha, lãi khoảng 176,6-200,4 triệu đồng/ha.

2.2.2. Cây cà rốt

- Diện tích 1.551 ha, các địa phương có diện tích nhiều như: huyện Nam Sách 650ha, chiếm 41% (tập trung tại xã Thái Tân 180ha, Cộng Hòa 140ha, Minh Tân 110ha...); huyện Cẩm Giàng 551ha, chiếm 35% diện tích cà rốt toàn tỉnh (tập trung tại xã Đức Chính 344ha, Cẩm Văn 133ha, Cẩm Vũ 16ha...); TP. Chí Linh 237ha, chiếm 15% (tập trung tại các xã Tân Dân 80ha, Nhân Huệ 30ha,...); các huyện, TP. còn lại 113ha, chiếm 7,2%.

- Năng suất cà rốt toàn tỉnh 467,83 tạ/ha, năng suất cà rốt Cẩm Giàng cao nhất 470,5 tạ/ha, Nam Sách 366,6 tạ/ha, Chí Linh 465,8 tạ/ha.

- Sản lượng cà rốt toàn tỉnh 57.050 tấn, các địa phương có sản lượng lớn như Cẩm Giàng 20.415 tấn, Nam Sách 23.842 tấn, Chí Linh 365,8 tấn…

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 234,9-256,6 triệu đồng/ha/vụ, lãi khoảng 142,3-161 triệu đồng/ha.

2.2.3. Cây bắp cải

- Diện tích 2.261 ha, (vụ Đông 1.600ha). Các địa phương có diện tích nhiều như Gia Lộc 1.373ha, chiếm 60% diện tích bắp cải toàn tỉnh (tập trung tại các xã Hoàng Diệu 187ha, Gia Tân 145ha, Phạm Trấn 121ha, Gia Lương 108ha, Toàn Thắng 52ha, Lê Lợi 135ha…; huyện Tứ Kỳ 193ha, chiếm 8% (tập trung tại các xã Ngọc Kỳ 54ha, Tiên Động 35ha, Nguyên Giáp 33ha, Quang Khải 30ha…); huyện Kim Thành 120ha, chiếm 5%; huyện Thanh Miện 87ha, chiếm 3%; các huyện, TP, TX còn lại 575ha, chiếm 24%.

- Năng suất cải bắp toàn tỉnh 420,94 tạ/ha, huyện có năng suất cao Tứ Kỳ 425,8 tạ/ha, Gia Lộc 423 tạ/ha, Thanh Miện 422 tạ/ha.

- Sản lượng bắp cải toàn tỉnh 95.175 tấn, các địa phương có sản lượng lớn như Gia Lộc 58.078 tấn, Tứ Kỳ 8.218 tấn, Kim Thành 5.040 tấn, Thanh Miện 4.431 tấn…

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 258,4-291,9 triệu đồng/ha/vụ, lãi khoảng 175,0-207,2 triệu đồng/ha.

2.2.4. Cây su hào

- Diện tích 1.852 ha,(vụ đông 1,526ha). Các địa phương có diện tích nhiều như Gia Lộc 788ha, chiếm 42% diện tích su hào toàn tỉnh (tập trung tại các xã Đoàn Thượng 199,6ha, Toàn Thắng 198ha, Phạm Trấn 178ha…); huyện Tứ Kỳ 471ha, chiếm 25% (tập trung tại các xã Hưng Đạo 179ha, Ngọc Kỳ 22ha, Tân kỳ 21ha, Nguyên Giáp 20ha…); huyện Kim Thành 208ha, chiếm 11% (tập trung tại các xã Đồng Gia 80ha, Bình Dân 45ha, Cẩm La 18ha, Kim Tân 15ha;...); các huyện, TP, TX còn lại 385ha, chiếm 20%.

- Năng suất su hào toàn tỉnh 311,78 tạ/ha, huyện có năng suất cao là Gia Lộc 318,7 tạ/ha, Tứ Kỳ 312,5 tạ/ha, Kim Thành 311,6 tạ/ha…

- Sản lượng su hào toàn tỉnh 57.631 tấn, các địa phương có sản lượng lớn như Gia Lộc 25.114 tấn, Tứ Kỳ 14.860 tấn, Kim Thành 6.481 tấn…

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 256,4-288,5 triệu đồng/ha/vụ, lãi khoảng 182,3-211,1 triệu đồng/ha.

2.2.5. Cây súp lơ

- Diện tích 783ha (vụ Đông 717ha). Các địa phương có diện tích nhiều như Tứ Kỳ 300ha, chiếm 38,3% diện tích toàn tỉnh (tập trung tại các xã Đại Đồng 101ha, Tái Sơn 81ha, Tân kỳ 49ha, Quang Khải 41ha…); huyện Gia Lộc 166ha, chiếm 21,2% (tập trung tại các xã Toàn Thắng 26ha, Phạm Trấn 25ha, Lê Lợi 18ha, Nhật Tân 15ha,…); TP, Hải Dương 105ha, chiếm 13,4% (tập trung tại các xã Gia Xuyên 25 ha, Thạch Khôi 20 ha, Ngọc Sơn 18 ha…); các huyện còn lại 212ha.

- Năng suất súp lơ toàn tỉnh 247,76 tạ/ha, huyện có năng suất cao là Gia Lộc 253,1 tạ/ha, Tứ Kỳ 250,1 tạ/ha, TP Hải Dương 247,5 tạ/ha.

- Sản lượng súp lơ toàn tỉnh 20.393 tấn, các địa phương có sản lượng lớn như Gia Lộc 4.201 tấn, Tứ Kỳ 7.503 tấn, Hải Dương 2.599 tấn…

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 220,9-259,9 triệu đồng/ha/vụ, lãi khoảng 150,0-188,3 triệu đồng/ha.

2.2.6. Cây củ đậu

- Diện tích 795ha(vụ Đông 333ha). Các địa phương có diện tích nhiều như huyện Kim Thành 730ha, chiếm 91,8%, tập trung tại các xã Đồng Cẩm 450ha, Bình Dân 49ha, Kim tân 105ha, Tam Kỳ 76ha; Kinh Môn 13ha, chiếm 1,6%.

- Năng suất toàn tỉnh 563,42 tạ/ha, sản lượng 44.792 tấn.

- Giá trị sản xuất 1 ha thu được 320,3-349,4 triệu đồng/ha/vụ, lãi thu được 194,2-201,1 triệu đồng/ha.

Sản phẩm rau sản xuất ra tại Hải Dương hiện nay về cơ bản đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Các loại rau an toàn như Cà rốt, hành, tỏi, các loại bầu bí, củ đậu, bắp cải, suplơ, su hào, cà chua, ớt và các loại rau cải trồng chính vụ... được bán rộng rãi ra các tỉnh, thành phố trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Để giúp nông dân trong tỉnh tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất rau; Trung tâm Khuyến nông, chi cục BVTV tỉnh hàng năm tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng rau an toàn, phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp trên cây rau cho nông dân kết hợp với xây dựng các mô hình trồng rau an toàn đã giúp nông dân tiếp thu được kỹ thuật sản xuất nâng cao nhận thức về sản xuất rau an toàn .

Dự án QSEAP tại tỉnh Hải Dương triển khai từ năm 2010 đến năm 2015 đã phê duyệt quy hoạch các vùng sản xuất rau an toàn trong tỉnh với diện tích 5.000ha, xây dựng 8 mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP với qui mô 240 ha. Ngoài ra dự án còn đào tạo cho hơn một vạn nông dân trong tỉnh về kỹ thuật sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, thông tin thị trường về rau an toàn... Mục tiêu của dự án là tạo ra được hệ thống quy trình kỹ thuật và các mô hình sản xuất rau quả an toàn để phục vụ chiến lược về an toàn vệ sinh thực phẩm của tỉnh đến 2020.Tạo ra vùng sản xuất rau an toàn với sản lượng lớn để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Đến nay, toàn tỉnh có trên 15.500 ha rau sản xuất theo quy trình GAP, trên 5.000 ha rau được sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu; có1.500 harau, trái cây được cấp chứng nhận theo quy trình VietGAP.

3. Kết quả thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm (sản phẩm OCOP)

3.1. Kết quả thực hiện

- Thực hiện đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030". Đến nay, toàn tỉnh đã có 75 sản phẩm OCOP, trong đó: 36 sản phẩm OCOP đạt 4 sao, 37 sản phẩm OCOP đạt 3 sao, có 2 sản phẩm đề nghị Trung ương công nhận đạt 5 sao*(Có Phụ lục danh sách kèm theo các sản phẩm OCOP được công nhận năm 2020).*Năm 2021, theo Kế hoạch có 102 sản phẩm đăng ký sản phẩm OCOP, tuy nhiên đến nay chỉ có 78 sản phẩm thực hiện và đang trong quá trình làm hồ sơ, cuối năm mới tổ chức đánh giá, gắn sao. Các sản phẩm OCOP đã được hỗ trợ tham gia 25 chương trình hội chợ, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại.

- Năm 2020, thực hiện hỗ trợ được 15 Kế hoạch liên kết với sự tham gia của 03 doanh nghiệp và 04 HTX là chủ trì liên kết, tiêu thụ các sản phẩm như: Cà rốt (xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng; xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh), ổi quả (xã Liên Mạc, xã An Phượng, huyện Thanh Hà), dưa lưới, bắp cải (xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc), dưa lưới (xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành), gà thịt (xã Hoàng Hoa Thám, TP. Chí Linh).

- Năm 2021, thực hiện hỗ trợ được 06 Kế hoạch liên kết với sự tham gia của 02 doanh nghiệp và 04 HTX là chủ trì liên kết, tiêu thụ các sản phẩm như: Gạo bãi rươi (An Thanh, Tứ Kỳ), bột sắn dây (Thượng Quận, thị xã Kinh Môn), vải thiều (Thanh Sơn,

Thanh Hà), cam (Thất Hùng, thị xã Kinh Môn), thanh long (Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn), gạo nếp cái hoa vàng (Văn An, TP. Chí Linh).

3.2. Thuận lợi, khó khăn

3.2.1. Thuận lợi

- Mặc dù Chương trình OCOP là một chương trình mới, song bước đầu các ngành, cấp đã thể hiện sự quan tâm, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng, ý nghĩa của Chương trình.

- Trong công tác phát triển sản phẩm: Hải Dương có nhiều loại sản phẩm đặc trưng, có thế mạnh, có thể phát triển, nâng cấp thành sản phẩm OCOP như vải quả, ổi, cam, rau các loại, cá, gà, gạo chất lượng, và các sản phẩm chế biến nông sản...

3.2.2. Khó khăn, hạn chế

- Do ảnh hưởng của Dịch Covid-19 và vướng mắc về cơ chế thực hiện hỗ trợ cho các sản phẩm tham gia Đề án OCOP nên không hỗ trợ được cho các chủ thể tham gia một số nội dung như: hỗ trợ bao bì nhãn mác, hỗ trợ hạ tầng, máy móc thiết bị.

- Sự vào cuộc của các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở có lúc, có nơi chưa được quyết liệt, thường xuyên.

Mặc dù đã được tham gia một số hội nghị tập huấn về chương trình OCOP, tuy nhiên nội dung chương trình OCOP mới, đa dạng nên còn có nơi việc nắm bắt còn chưa đầy đủ, triển khai còn lúng túng.

- Cán bộ trực tiếp phụ trách lĩnh vực OCOP ở cấp huyện, xã đồng thời phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khác nên thời gian dành cho Chương trình chưa được nhiều.

- Các sản phẩm có tiềm năng trên địa bàn tỉnh nhiều nhưng chủ yếu mới có mẫu mã, bao bì,chưa xây dựng thương hiệu, công bố chất lượng sản phẩm; Thị trường tiêu thụ của các sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu ở trong nước.

- Nhận thức của nhiều chủ thể về sản phẩm OCOP và Chương trình OCOP chưa đầy đủ, chưa hiểu rõ ý nghĩa, giá trị, tầm quan trọng và mục tiêu của sản phẩm OCOP, của Chương trình OCOP.

3.3. Giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho các bên tham gia chương trình OCOP.

- Tăng cường công tác thông tin,tuyên truyền bằng nhiều hình thức.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ vận hành chương trình OCOP và các chủ thể có sản phẩm được lựa chọn tham gia chương trình OCOP...

- Xây dựng và triển khai các dự án thành phần hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.

- Tập trung quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP bằng nhiều hình thức; thực hiện xúc tiến thương mại đối với những sản phẩm đạt 3 sao trở lên.

III. VỀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

- Sản lượng rau vụ đông tỉnh Hải Dương khoảng 500.000 - 600.000 tấn, trong đó sử dụng trong tỉnh khoảng 150.000 - 200.000 tấn rau quả các loại , còn lại bán đi các tỉnh và xuất khẩu ra nước ngoài qua các công ty. Lượng sản phẩm rau các loại ở Hải Dương được tiêu thụ trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu chiếm khoảng 90% thông qua các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp và công ty kinh doanh chế biến nông sản, còn khoảng 10% do các hộ sản xuất tự đem bán. Vì vậy, giữa hộ nông dân sản xuất và các nhà doanh nghiệp có mối liên kết với nhau trong tiêu thụ sản phẩm.

- Năm 2020, toàn tỉnh có 201 doanh nghiệp chế biến nông sản có quy mô tương đối lớn sản xuất các sản phẩm như sấy khô các loại gia vị, sơ chế đóng gói cà rốt, khoai tây, đóng hộp dưa bao tử, dứa, cà chua, thịt gia súc, gia cầm..., có khoảng 12.560 cơ sở là các hộ sản xuất cá thể, Hợp tác xã, tổ hợp tác với quy mô sản xuất nhỏ, chủ yếu là thu gom sơ chế nông sản và sản xuất một số mặt hàng đơn giản phục vụ tiêu dùng. Đây là lực lượng quan trọng góp phần cho Hải Dương giữ được ổn định sản xuất cây vụ đông.Các hộ kinh doanh và các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông cho người sản xuất như sau:

- Hộ kinh doanh ứng trước một phần giống hoặc vật tư cho sản xuất, khi thu hoạch sẽ thu mua toàn bộ sản phẩm theo giá thỏa thuận tại thời điểm thu mua và trừ tiền ứng trước.Mối liên kết này phổ biến ở các hộ trồng Dưa hấu, củ đậu tại các huyện Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ.

- Khi cây trồng sắp đến thời gian thu hoạch, các hộ thu mua hoặc doanh nghiệp bỏ tiền ra mua của nông dân theo giá thỏa thuận tại ruộng và tự thu hoạch. Cách này phổ biến ở các hộ trồng hành, tỏi, cà rốt, su hào, bắp cải tại các huyện Kinh Môn, Nam Sách, Cẩm Giàng, Gia Lộc.

- Hộ kinh doanh, doanh nghiệp ứng trước giống, tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia sản xuất, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của nông dân thông qua HTX DV nông nghiệp với giá thu mua được định trước, đến thời điểm thu mua giá tăng thì doanh nghiệp mua trả theo giá thị trường, nếu giá xuống thấp thì trả theo giá hợp đồng. Hình thức liên kết này đảm bảo cho nông dân yên tâm sản xuất, các công ty chế biến nông sản ở Hải Dương như: Công ty chế biến nông sản xuất khẩu Hải Dương; Công ty Vạn Đắc Phúc, Công ty cổ phần Tân Hương, Công ty TNHH Chế biến nông sản Tân Tiến, Công ty TNHH MTV thực phẩm An Lạc Thành, Công ty Đức Lộc; Công ty TNHH Hùng Sơn và một số doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh áp dụng hình thức liên kết này.

- Rau màu vụ đông tiêu qua các hộ kinh doanh và các doanh nghiệp chiếm khoảng 90% sản lượng, 10% còn lại người sản xuất tự đem bán. Sản lượng tiêu thụ rau màu thông qua hợp đồng liên kết và bao tiêu sản phẩm còn thấp chưa đến 10%, còn lại tiêu thụ theo thỏa thuận giữa các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp với người sản xuất vào thời điểm thu hoạch nên giá cả không ổn định, người sản xuất thường theo thói quen cứ sản xuất và trông chờ vào thị trường, chưa nghiên cứu thị trường trước khi sản xuất nên dễ gặp tình trạng được mùa - rớt giá. Để nâng cao chất lượng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây vụ Đông tại tỉnh Hải Dương một cách bền vững cần phải có các giải pháp liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

IV. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Xây dựng ngành nông nghiệp phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại văn minh. Tập trung các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp Hải Dương bứt phá về giá trị và xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại, tạo nền tảng phát triển tỉnh Hải Dương theo hướng "tăng trưởng xanh, chuyển đổi số".

2. Đổi mới, thay đổi tư duy về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng từ sản xuất nông nghiệp sang hướng phát triển kinh tế nông nghiệp để hướng tới giá trị "xanh" trong sản xuất và tiêu dùng. Trong đó, cần tập trung vào các định hướng:

+ Đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp dựa trên động lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới xoay quanh ba trụ cột "nông nghiệp sinh thái", "nông thôn hiên đại" và "nông dân thông minh".

+ Đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng.

+ Phải tích hợp đa giá trị và tạo giá trị gia tăng tối ưu trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác, trong điều kiện diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh.

3. Tập trung vào ba nhiệm vụ đột phá trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp, kinh tế nông thôn và hạn chế tình trạng tổn thất sau thu hoạch để nâng cao giá trị nông sản, sản phẩm nôngnghiệp.

- Khuyến khích trong hợp tác sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, hợp tác xã và người nông dân để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.Lựa chọn mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện sản xuất của người nông dân.

4. Tập trung làm tốt tông tác quy hoạch phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, trên cơ sở đó cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị sản phẩm.

5. Tăng cường ứng dụng mạnh mẽ, sâu rộng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tập trung triển khai Đề án "Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030". Cần ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, đồng thời phải tích hợp các nội dung này vào đề án "Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

6. Tăng cường xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận. Phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại và đưa lên sàn thương mại điện tử đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc hữu của tỉnh (vải thiều, na, ổi, gạo nếp, rau, cà rốt, hành, tỏi,...).

V. CÁC GIẢI PHÁP LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG

1. Về hình thức liên kết

1.1. Liên kết ngang

Liên kết giữa các thành viên ở cùng 1 cấp trong chuỗi sản xuất như các nông dân liên kết trong những câu lạc bộ tổ hợp tác, hợp tác xã (như HTX Tân Minh Đức, xã Phạm Trấn - Gia Lộc; HTX DVNN Đức Chính - Cẩm Giàng; tổ sản xuất rau thôn Lúa, xã Đoàn Thượng - Gia Lộc...

Qui mô sản xuất lớn hơn, chất lượng sản phẩm đồng nhất, chi phí đầu vào thấp hơn do được hợp đồng trực tiếp với công ty cung cấp nguyên liệu với số lượng lớn, có chiết khấu cao, được công ty chế biến tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cũng như bao tiêu sản phẩm đầu ra, được cung cấp thông tin kịp thời, đó là những lợi ích mà hình thức liên kết ngang mang lại.

1.2. Liên kết dọc

Liên kết dọc là liên kết giữa hai hay nhiều thành viên tham gia chuỗi sản xuất ở các cấp khác nhau (giữa các khâu trong chuỗi giá trị) thông qua các hợp đồng được đảm bảo bởi pháp luật, như liên kết giữa nhà cung cấp đầu vào với người sản xuất, liên kết giữa nhà sản xuất nguyên liệu với công ty chế biến như Công ty chế biến nông sản xuất khẩu Hải Dương; Công ty Vạn Đắc Phúc, Công ty cổ phần Tân Hương, Công ty TNHH Chế biến nông sản Tân Tiến, Công ty TNHH MTV thực phẩm An Lạc Thành, Công ty Đức Lộc; Công ty TNHH Hùng Sơn. Với đặc điểm quản lý chuỗi từ đầu vào cho tới đầu ra với qui trình khép kín, liên kết dọc giúp kiểm soát được chi phí, chất lượng sản phẩm tốt và đồng đều, ổn định được giá đầu ra và cân đối cung cầu. Đặc biệt, các thành viên tham gia trong liên kết dọc có cùng tiếng nói và trách nhiệm đến sản phẩm cuối cùng, do đó dễ dàng chia sẻ thông tin, thông qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm ngành hàng.

1.3.Liên kết "nhiều nhà"

Để phát triển bền vững chuỗi sản phẩm cây vụ đông của tỉnh thì ngoài liên kết ngang và liên kết dọc còn có sự hỗ trợ riêng lẻ cho từng tác nhân trong chuỗi như về kỹ thuật từ các Viện, Trường, hệ thống khuyến nông của tỉnh, công ty cung ứng vật tư đầu vào, công ty chế biến về xúc tiến thương mại, kiểm soát thị trường và chất lượng; hoặc ngân hàng hỗ trợ về vốn cho toàn chuỗi, chính sách từ chính quyền địa phương các cấp của tỉnh. Đây là mối liên kết "nhiều nhà", một đảm bảo cao hơn cho sự phát triển bền vững trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tỉnh Hải Dương đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó hỗ trợ liên kết trong sản xuất cây vụ đông của tỉnh bằng việc ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2282 /QĐ-UBND ngày 28/9/2021 Về việc triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Chính sách hỗ trợ liên kếtsản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và cây vụ đông của tỉnh.

1.4. Liên kết khu vực

Liên kết giữa các vùng sản xuất cùng loại sản phẩm hàng hóa trong tỉnh như các vùng sản xuất cà rốt, hành tỏi, bắp cải, su hào..được hình thành nhằm cân bằng cung - cầu sản phẩm trên thị trường, tránh khủng hoảng "thừa - thiếu" sản phẩm, dự báo thị trường tốt hơn thông qua qui hoạch sản xuất bảo đảm cân đối cung - cầu, ổn định chi phí và giá, tạo dựng thương hiệu, đặc biệt là sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên.

2. Các giải pháp phát huy vai trò của liên kết trong sản xuất nông sản, cây vụ Đông tại Hải Dương

2.1. Thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng cho vùng sản xuất

Về việc quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, trước hết phải ưu tiên phục vụ cho sự phát triển của các loại cây trồng chủ lực.Tùy đặc điểm từng vùng cần tập trung xây dựng yếu tố nào trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật.Việc đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật có ý nghĩa dẫn đường cho sự phát triển của sản xuất nông nghiệp. Việc này cần phải có bàn tay của Nhà nước từ công tác quy hoạch, thiết kế đến tổ chức huy động vốn, tổ chức xây dựng công trình, tổ chức khai thác và quản lý công trình vì người dân với trình độ thấp, năng lực vốn kém không thể làm được. Vùng nguyên liệu cần có hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển để phục vụ sản xuất. Để tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, cần quán triệt và thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân làm là chính đối với các công trình gắn trực tiếp với sản xuất tùy từng điều kiện các địa phương có sự hỗ trợ hợp lý.

2.2. Xây dựng và lựa chọn các hình thức tổ chức sản xuất

Mỗi hình thức tổ chức có nội dung tổ chức và quản lý khác nhau, phù hợp với mỗi khâu của ngành hàng nông sản, thể hiện những ưu việt trong liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản khác nhau. Vì vậy, để tổ chức và quản lý sản xuất phát huy

được vai trò của nó, để liên kết phát huy vai trò gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản cần xây dựng và lựa chọn các hình thức tổ chức thích hợp. Tổ chức lại sản xuất theo hướng gắn kết chặt chẽ và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu sản xuất, thu mua, chế biến và xuất khẩu. Trong đó, tổ chức lại các hộ theo mô hình quản lý cộng đồng (nhóm hộ, hợp tác xã, hiệp hội...); sắp xếp lại hệ thống các cơ sở chế biến và tiêu thụ phù hợp với các vùng sản xuất nguyên liệu theo phạm vi thích hợp của từng địa phương.

2.3. Có cơ chế hỗ trợ nông dân, cơ sở chế biến trong tổ chức các hoạt động liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ

Tham gia liên kết là các hộ nông dân, cơ sở chế biến nhỏ nên hạn chế về thông tin và trình độ tham gia liên kết. Đặc biệt, trong soạn thảo và thực thi hợp đồng liên kết sẽ phát sinh nhiều vấn đề về pháp lý và kinh tế do hoạt động sản xuất nông nghiệp chịu nhiều tác động khách quan, kỷ luật trong thực thi pháp luật về kinh tế thấp. Vì vậy, khi triển khai các hoạt động liên kết không tránh khỏi những lúng túng. Trong bối cảnh trên, hỗ trợ các tác nhân tham gia liên kết trở thành yêu cầu mang tính cấp thiết. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức hội nghề từng địa phương lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm lực, đặc biệt là các doanh nghiệp có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có sự tác động tương hỗ và có uy tín trong các quan hệ liên kết để giới thiệu cho nông dân. Tạo môi trường thuận lợi, nhất là các thủ tục hành chính, các chính sách kinh tế thu hút cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nông nghiệp. Các cơ sở chế biến và tiêu thụ nông sản cần tìm hiểu kỹ về đối tác dự định liên kết, giới thiệu để đối tác biết thực lực hoạt động kinh doanh của mình để có sự đàm phán, ký kết tham gia liên kết. Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin minh chứng tiềm lực của doanh nghiệp cho cơ quan quản lý nhà nước. Quảng bá hình ảnh doanh nghiệp đến rộng rãi nông dân. Đề xuất các hình thức liên kết phù hợp với nông dân từng vùng sản xuất.

2.4. Nâng cao vai trò của các doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng và ý thức pháp luật của các chủ thể trong liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng ngày càng có vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp của ngành hàng nông nghiệp. Vì vậy, phát triển và nâng cao vai trò của các doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản. Liên kết đòi hỏi các chủ thể phải tuân thủ các thỏa thuận trong các hợp đồng. Ở Hải Dương vẫn còn những vấn đề liên quan đến cam kết hợp đồng trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ thường bị coi nhẹ, dẫn đến " phá hợp đồng". Tình trạng trên không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động của các bên tham gia liên kết, mà trong bối cảnh hội nhập trong nước và quốc tế ngày càng mở rộng, sự hội nhập sẽ gặp nhiều khó khăn, tổn hại kinh tế khi vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý nghiêm khắc trong các hiệp định thương mại, trong các hợp đồng với các đối tác nước ngoài. Vì vậy, nâng cao ý thức pháp luật trong liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản là hết sức quan trọng, là một trong những yếu tố đảm bảo cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản Hải Dương phát triển bền vững./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HẢI DƯƠNG

MỘT SỐ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY VỤ ĐÔNG THEO CHUỖI LIÊN KẾT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TÌM ĐẦU RA CHO SẢN PHẨM TẠI HẢI DƯƠNG

Chi cục Trồng trọt và BVTV Hải Dương

I. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG

1. Diện tích và sản lượng rau màu vụ đông

Diện tích rau màu cả năm trên 41.000ha, trong đó rau màu vụ Xuân và Hè Thu khoảng 20.000ha, vụ Đông trên 21.000ha. Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) về trồng trọt năm 2019 đạt 10.200 tỷ đồng, năm 2020 đạt 10.761 tỷ đồng, riêng rau màu vụ đông năm 2019 đạt giá trị 3.195 tỷ đồng, năm 2020 đạt giá trị 3.500 tỷ đồng. Giá trị sản xuất cây vụ đông theo giá thực tế năm 2019 là 4.153 tỷ đồng đạt bình quân 190 triệu đồng/ha, năm 2020 là 4.550 tỷ đồng, bình quân 208 triệu đồng/ha, tăng 18 triệu đồng/ha so vụ Đông năm 2019.

Diện tích rau màu vụ đông của Hải Dương chiếm khoảng 14% diện tích gieo trồng cây hàng năm, nhưng chiếm tới 31,3 - 32,5 % tổng giá trị sản xuất về trồng trọt. Do vậy, sản xuất rau màu vụ đông ở Hải Dương được các cấp chính quyền, ngành nông nghiệp,các hộ nông dân , các hộ kinh doanh chế biến nông sản rất quan tâm nên diện tích trồng rau màu luôn giữ ổn định.

2. Các mô hình sản xuất cây vụ đông có hiệu quả

- Mô hình sản xuất cây hành tỏi quy mô 6.155 ha, tập trung tại các địa phương Kinh Môn Nam Sách Kim Thành TP Hải Dương, TP.Chí Linh. Năng suất hành, tỏi củ toàn tỉnh 154,57 tạ/ha, Sản lượng hành, tỏi củ 95.143 tấn; Giá trị sản xuất 1 ha thu được 291,9-316,9 triệu đồng/ha, Tiêu thụ: 70 % tiêu thụ tại các tỉnh trong trong nước, với sản phẩm hành tươi để làm hành muối, hành khô để làm gia vị... 30% xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và một số nước Đông Nam Á.

- Mô hình sản xuất cà rốt quy mô 1.551 ha, tập trung tại các địa phương Nam Sách, Cẩm Giàng, TP. Chí Linh; năng suất cà rốt toàn tỉnh 467,83 tạ/ha; Sản lượng cà rốt toàn tỉnh 57.050 tấn, Giá trị sản xuất 1 ha thu được 234,9-256,6 triệu đồng/ha/vụ, Tiêu thụ: Cà rốt được tiêu thụ trong nước và 90% để xuất khẩu. Các doanh nghiệp, thương lái liên kết thu mua cà rốt của nông dân theo mùa vụ, phân loại theo tiêu chuẩn của từng thị trường, từng kích cỡ và đưa đi tiêu thụ tại các chợ đầu mối trong nước, một phần xuất khẩu đi Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông…

- Mô hình sản xuất các loại cây rau màu (dưa hấu, dưa chuột, cà chua, bí xanh, củ đậu…) quy mô trên 15.000 ha, tập trung tại các huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kim Thành…

sản lượng 650.000 tấn, được sản xuất xen canh thành 3 vụ trong năm, vụ xuân, xuân hè và thu đông,. Thị trường tiêu thụ: Hải Dương là trung tâm tập trung, đầu mối chung chuyển dưa hấu của khu vực và các tỉnh miền trung, miền nam. Các thương lái chuyển thẳng đến các chợ tiêu thụ của các tỉnh hoặc thu gom về chợ đầu mối rồi chung chuyển đi các chơ đầu mối, siêu thị và xuất khẩu đi Trung Quốc, Hàn Quốc và một phần phục vụ cho chế biến của Công ty Pessicola và Orion

- Sản phẩm rau sản xuất ra tại Hải Dương hiện nay về cơ bản đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng . Các loại rau an toàn như Cà rốt, hành, tỏi, các loại bầu bí, củ đậu,bắp cải, suplơ , su hào, cà chua, ớt và các loại rau cải trồng chính vụ .. được bán rộng rãi ra các tỉnh , thành phố trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

- Để giúp nông dân trong tỉnh tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất rau; Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh hàng năm tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng rau an toàn , phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp trên cây rau cho nông dân kết hợp với xây dựng các mô hình trồng rau an toàn đã giúp nông dân tiếp thu được kỹ thuật sản xuất nâng cao nhận thức về sản xuất rau an toàn .

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TÌM ĐẦU RA CHO SẢN PHẨM

1. Tình hình sơ chế, bảo quản, chế biến Cây vụ Đông

- *Về số lượng cơ sở chế biến nông sản:* Năm 2020, toàn tỉnh có 201 doanh nghiệp chế biến nông sản có quy mô tương đối lớn sản xuất các sản phẩm như sấy khô các loại gia vị; sơ chế đóng gói cà rốt, khoai tây; đóng hộp dưa bao tử, dứa, cà chua,.... Ngoài ra còn có 12.560 cơ sở là các hộ sản xuất cá thể, Hợp tác xã, tổ hợp tác với quy mô sản xuất nhỏ, chủ yếu là thu gom sơ chế nông sản, sấy nông sản và sản xuất một số mặt hàng đơn giản phục vụ tiêu dùng.

- *Về năng lực sơ chế, chế biến:* Sản phẩm của ngành CNCBNS ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, bảo đảm tiêu chuẩn VSATTP, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Tuy vậy, hiện tại tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến trên địa bàn tỉnh còn thấp. Cụ thể năm 2020 Chế biến rau, củ, quả đạt 35.000 tấn.

2. Tình hình tiêu thụ

Tình hình tiêu thụ như sau:

* Nội tỉnh: 30% cây rau màu vụ Đông.

* Tiêu thụ tại các tỉnh, thành trong nước: 60% cây rau màu vụ Đông.

* Xuất khẩu: 10 - 15% cây vụ Đông.

- Một bộ phận Nông sản của Hải Dương cơ bản đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện cho xuất khẩu. Một số sản phẩm đã và đang xuất khẩu như: cà rốt (90% sản phẩm dành

cho xuất khẩu sang Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia…), ngoài ra còn xuất khẩu bắp cải, ớt, chuối, hành, tỏi,... Hiện nay, Hải Dương còn nhiều lo ại nông sản có tiềm năng xuất khẩu được như: hành tỏi, su hào, bí xanh, bí đỏ (sản phẩm hấp chín cấp đông, sấy khô), dưa hấu,…

- Sản lượng rau vụ đông tỉnh Hải Dương khoảng 500.000 - 600.000 tấn, trong đó sử dụng trong tỉnh khoảng 150.000 - 200.000 tấn rau quả các loại , còn lại bán đi các tỉnh và xuất khẩu ra nước ngoài qua các công ty. Lượng sản phẩm rau các loại ở Hải Dương được tiêu thụ trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu chiếm khoảng 90% thông qua các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp và công ty kinh doanh chế biến nông sản, còn khoảng 10% do các hộ sản xuất tự đem bán. Vì vậy, giữa hộ nông dân sản xuất và các nhà doanh nghiệp có mối liên kết với nhau trong tiêu thụ sản phẩm.

3. Liên kết

- Hộ kinh doanh ứng trước một phần giống hoặc vật tư cho sản xuất, khi thu hoạch sẽ thu mua toàn bộ sản phẩm theo giá thỏa thuận tại thời điểm thu mua và trừ tiền ứng trước. Mối liên kết này phổ biến ở các hộ trồng dưa hấu, củ đậu tại các huyện Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ.

- Khi cây trồng sắp đến thời gian thu hoạch, các hộ thu mua hoặc doanh nghiệp bỏ tiền ra mua của nông dân theo giá thỏa thuận tại ruộng và tự thu hoạch. Cách này phổ biến ở các hộ trồng hành, tỏi, cà rốt, su hào, bắp cải tại các huyện Kinh Môn, Nam Sách, Cẩm Giàng, Gia Lộc.

- Hộ kinh doanh, doanh nghiệp ứng trước giống, tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia sản xuất, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của nông dân thông qua HTX DV nông nghiệp với giá thu mua được định trước, đến thời điểm thu mua giá tăng thì doanh nghiệp mua trả theo giá thị trường, nếu giá xuống thấp thì trả theo giá hợp đồng. Hình thức liên kết này đảm bảo cho nông dân yên tâm sản xuất, các công ty chế biến nông sản ở Hải Dương như: Công ty chế biến nông sản xuất khẩu Hải Dương; Công ty Vạn Đắc Phúc, Công ty cổ phần Tân Hương, Công ty TNHH Chế biến nông sản Tân Tiến, Công ty TNHH MTV thực phẩm An Lạc Thành, Công ty Đức Lộc; Công ty TNHH Hùng Sơn và một số doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh áp dụng hình thức liên kết này.

4. Các giải pháp tìm đầu ra cho sản phẩm

4.1. Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, ưu tiên cho nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhập khẩu, quản lý chặt chẽ chất lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng.

4.2. Giải pháp về liên kết

- Tiếp tục hỗ trợ, xây dựng các mô hình điểm sản xuất rau màu theo chuỗi liên kết, củng cố phát triển các hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp và vùng, trang trại, nhất là liên kết giữa các doanh nghiệp, Hợp tác xã với các doanh nghiệp cung ứng phân bón, thu mua xuất khẩu. Tạo mọi điều kiện thuận lợi trong tiếp cận các nguồn vốn vay và thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

- Các cơ quan, chính quyền địa phương tập trung hỗ trợ các liên kết giữa nông dân - trang trại với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp và giữa nông dân với nông dân và tổ hợp tác, hợp tác xã để giúp các liên kết được hình thành, hoạt động hiệu quả. Hỗ trợ xây dựng và phát triển các thương hiệu các sản phẩm hàng hóa chủ lực thông qua quảng bá, giới thiệu sản phẩm rau màu...

- Xây dựng một số chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với quản lý truy xuất nguồn gốc tại các địa phương có điều kiện thuận lợi.

- Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý sản phẩm gắn với việc kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ nơi sản xuất. Thực hiện tốt chương trình phối hợp nhằm cung cấp các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho thị trường.

4.3. Công tác thông tin, tuyên truyền, xúc tiến thương mại

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu để tạo đầu ra ổn định cho các sản phẩm; Phối hợp các doanh nghiệp xây dựng chương trình, tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm chủ lực, đặc trưng thông qua hội chợ, triển lãm hoặc các chương trình phối hợp với các tỉnh/.

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV HẢI DƯƠNG

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG TẠI HÀ NỘI

Trung tâm Khuyến nông Hà Nội

Hà Nội là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị, khoa học, công nghệ, giáo dục, hợp tác quốc tế của cả nước, nơi tập trung các cơ quan, tổ chức, các viện nghiên cứu, các trường đại học lớn, là thị trường lớn, đầu mối lưu chuyển hàng hóa của cả nước, có nhiều nhà đầu tư... Hiện nay Hà Nội có trên 10 triệu người đang sinh sống, làm việc, học tập và hàng năm đón nhận trên 20 triệu lượt khách du lịch trong nước và quốc tế, trên 80.000 người của tất cả các nước sinh sống và làm việc. Với 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã (trong đó có 17 huyện, 1 thị xã và 6 quận có sản xuất nông nghiệp); 584 phường, xã và thị trấn, trong đó có 386 xã và 21 thị trấn, dân số sống ở khu vực nông thôn gần 4 triệu người). Nông nghiệp, nông thôn được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Thủ đô trong hiện tại và tương lai.

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HÀ NỘI

Thành phố Hà Nội có diện tích tự nhiên là 3.345,0 km^2. Diện tích đất nông nghiệp của Hà Nội hiện nay có 1.886,0 km^2 (tương đương 188,6 nghìn ha) chiếm 56,34% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó: Đất trồng lúa có 114.780 ha (chiếm 34,5%); Đất lâm nghiệp có 24.258 ha (chiếm 7,2%); Đất nuôi trồng thủy sản có 10.710 ha (chiếm 3,2%); Đất nông nghiệp khác có 38.617 ha (chiếm 11,5%). Trong đó diện tích đất gieo trồng của lúa trên 189.000 ha, sản lượng hơn 1triệu tấn; rau trên 33.000 ha, sản lượng hơn 700 nghìn tấn; cây ăn quả, cây lâu năm: trên 21.000 ha; chè: 2.790 ha sản lượng đạt 11.717 tấn.

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÂY VỤ ĐÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Tình hình sản xuất cây vụ Đông

- Năm 2021 diện tích gieo trồng cây vụ Đông toàn thành phố đạt khoảng 21.772ha bao gồm các loại cây (Ngô 5.070ha (trong đó có gần 600ha trồng ngô sinh khối), lạc 113,8ha, đậu tương 443ha, khoai lang 645ha, khoai tây 58ha, rau các loại 10.736ha, đậu đỗ các loại 127ha, cây gia vị 334ha, cây dược liệu 82,7ha, cây hoa hàng năm 1.540ha, cây khác 1.372,2 ha). Sản lượng sản xuất rau, củ, quả thu được mỗi tháng khoảng 67,3 tấn, trong khi nhu cầu của thành phố Hà Nội khoảng 103.300 tấn/tháng, như vậy sản lượng tự sản xuất rau củ trên địa bàn thành phố đáp ứng được khoảng 65% tổng nhu cầu, còn lại phải nhập từ các tỉnh ngoài về.

- Thành phố Hà Nội hiện có 5.000 ha sản xuất rau an toàn, 40 mô hình rau áp dụng Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ (PGS) tại 40 xã, phường, thị trấn thuộc 17 quận, huyện, thị xã với tổng diện tích trên 1.700 ha. Duy trì trên 1.300 ha VietGAP rau, quả; gần 40 ha trồng trọt theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và 164 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Để đáp ứng đủ nguồn rau xanh chất lượng an toàn tại chỗ phục vụ cho người tiêu dùng Thủ đô. Hàng năm thành phố cùng các quận, huyện, thị xã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích mở rộng diện tích sản xuất rau, củ, quả an toàn, đặc biệt là sản xuất cây vụ Đông trên đất 2 lúa.

- Năm 2021 Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã triển khai xây dựng một số mô hình sản xuất cây vụ đông, cụ thể: mô hình sản xuất khoai tây giống mới (giống Jelly) với quy mô 40ha trong đó: vụ đông 30ha, vụ đông xuân 10ha triển khai trên địa bàn 3 huyện Mỹ Đức, Thạch Thất, Ứng Hoà; Mô hình sản xuất hoa Lily giống mới với quy mô 4.000m^2, triển khai trên địa bàn 4 huyện (Mỹ Đức, Mê Linh, Sóc Sơn, Hoài Đức); Mô hình sản xuất Rau theo hướng VietGAP cấp giấy chứng nhận quy mô 20ha/2 vụ (trong đó vụ Thu Đông 10ha, vụ Đông Xuân 10ha) triển khai trên địa bàn huyện Gia Lâm. Mức hỗ trợ 50% giống, 50% vật tư, phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật và 100% chi phí cấp chứng nhận VietGAP.

Hiện tại các mô hình cây trồng đang sinh trưởng, phát triển tốt, hoa Lily và khoai tây vụ Thu Đông dự kiến cho thu hoạch vào đúng dịp Tết Nguyên Đán năm 2022 với năng suất dự kiến (khoai tây: 20 tấn/ha, Hoa Lily 19.600 bông/1.000m^2). Khoai tây vụ Đông Xuân dự kiến cho thu hoạch vào tháng 3/2022 với năng xuất dự kiến trên 18 tấn/ha. Mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP vụ Thu Đông đã thu hoạch xong, năng xuất bình quân thấp đạt 8-10 tấn/ha (do ảnh hưởng của 2 cơn báo số 7,8 từ ngày 9-17/10/2021 cùng với các đợt không khí lạnh gây mưa kéo dài làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của các loại rau, rau bị dập nát, thối hỏng, rễ không phát triển, ảnh hưởng đến kết quả của mô hình), rau vụ Đông Xuân dự kiến sẽ cho thu hoạch vào giữa tháng 01-02/2022, năng xuất dự kiến 25-30 tấn/ha. Mô hình sẽ đáp ứng một phần nhu cầu người người dân Thủ đô phục vụ Tết Nguyên Đán 2022.

2. Về công tác tiêu thụ sản phẩm

- Trung tâm Khuyến nông Hà Nội đã kết nối với một số doanh nghiệp cam kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho bà con nông dân như Công ty cổ phần T&T 159, Công ty TNHH và Thương mại Minh Phát thu mua ngô sinh khối; Công ty Cổ phần Quốc tế Nông nghiệp Việt Nam và Công ty TNHH Giống và Sản phẩm cây có củ thu mua khoai tây; Khoảng 10-15% sản phẩm rau, củ sản xuất ra được các HTXNN đứng ra thu mua đưa vào các siêu thị, còn lại người dân tự bán cho thương lái và bán lẻ tại các chợ đầu mối.

- Thành phố Hà Nội hiện có 26 trung tâm thương mại, 142 siêu thị, tập trung chủ yếu tại các quận nội thành, 455 chợ, trên 1.800 cửa hàng tiện ích, trên 128 chuỗi kinh doanh các hàng nông sản, thực phẩm. Nông sản, thực phẩm được tiêu thụ chủ yếu qua 4 kênh: Qua hệ thống các chợ, qua hệ thống siêu thị, cửa hàng chuyên doanh trên toàn Thành phố, qua kênh bếp ăn tập thể các trường học, khu công nghiệp để phục vụ nhân dân, qua các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản. Trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng xã hội phân theo ngành kinh doanh thì thương mại bán buôn, bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn (65-75%).

+ Tiêu thụ qua hệ thống các chợ: Các mặt hàng thiết yếu hầu hết được các thương lái thu mua, tập kết, tiêu thụ tại các chợ đầu mối, sau đó phân phối tới các chợ dân sinh, các cửa hàng kinh doanh và các bếp ăn tập thể.

+ Tiêu thụ qua hệ thống siêu thị, cửa hàng chuyên kinh doanh trên toàn Thành phố: Các mặt hàng như rau, củ, quả... phân phối thông qua các cửa hàng chuyên kinh doanh về thực phẩm trên địa bàn Thành phố được bao gói, có nhãn mác, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

+ Tiêu thụ qua kênh bếp ăn tập thể các trường học, khu công nghiệp để phục vụ nhân dân: Các doanh nghiệp đã tích cực khai thác thực phẩm an toàn đưa vào các bếp ăn tập thể.

+ Tiêu thụ qua các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản: Mô hình được thành lập trên cơ sở các đơn vị sản xuất với hệ thống các cửa hàng thực phẩm an toàn được chứng nhận và tiêu thụ tại hệ thống các cửa hàng thực phẩm.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Khó khăn, tồn tại

- Tiến độ gieo trồng cây vụ đông bị ảnh hưởng nhiều do thời tiết bất thuận.

- Sản xuất cây vụ đông của Hà Nội còn nhỏ lẻ, manh mún nên khó khăn trong việc áp dụng cơ giới hóa, điều tiết nước, phòng trừ chuột hại.

- Người dân thủ đô có nhiều cơ hội việc làm thu nhập cao nên không mặn mà với sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất cây vụ đông nói riêng.

- Chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất cây vụ đông tập trung.

- Thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, việc liên doanh liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua hợp tác xã nông nghiệp còn hạn chế.

- Số lượng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế nên việc tiêu thụ sản phẩm khó khăn.

2. Đề xuất giải pháp

- Tập trung phát triển các vùng sản xuất cây vụ đông quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hoá, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao áp dụng CGH đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển sản xuất các giống cây chất lượng cao, chịu sâu bệnh tốt và thích nghi tốt với biến đổi khí hậu.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích sản xuất cây vụ đông và từng bước giảm dần diện tích đất bỏ hoang sang sản xuất cây vụ đông có hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Hình thành các cơ sở chế biến nông sản gắn với chuỗi giá trị áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, có năng lực cạnh tranh đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nâng cao công tác quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, xúc tiến thương mại để mở rộng liên kết sản xuất, chủ động tiêu thụ sản phẩm, mở rộng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ tiêu thụ nông sản.

- Tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, xây dựng thương hiệu, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ NỘI

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ CÂY VỤ ĐÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Trung tâm Khuyến nông và PTNN công nghệ cao Bắc Ninh

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; là cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội, có vị trí địa lý thuận lợi với nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, 1B, 18, 38, 17,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương, tao đổi hàng hóa với các tỉnh trong cả nước, nằm sát thủ đô Hà Nội nơi tập trung các trường Đại học, các Viện nghiên cứu lớn nên có nhiều điều kiện để tiếp cận, ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống; các sản phẩm nông nghiệp có nhiều cơ hội tham gia chuỗi liên kết từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Bắc Ninh đang phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa sẽ tiếp tục được đẩy nhanh, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho nhân dân; việc mở rộng các khu, cụm công nghiệp, đô thị và dịch vụ, đồng thời cũng trở thành thách thức đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Bắc Ninh luôn xác định phát triển nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển bền vững kinh tế - xã hội, phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh. Trong đó phát triển cây trồng vụ đông, nâng cao chất lượng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông đang được quan tâm, chú trọng.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG

1. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung

Nhằm đưa những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả trong sản xuất. Tỉnh Bắc Ninh đã quy hoạch vùng sản xuất tập trung theo hướng an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trên địa bàn toàn tỉnh đã hình thành được 71 vùng sản xuất rau mầu tập trung diện tích từ 5ha trở lên, như vùng trồng Cà rốt tại Gia Bình, Lương Tài, vùng trồng Khoai tây tại Quế Võ, Yên Phong, vùng trồng hành tỏi tại Lương Tài, Gia Bình, vùng trồng cà chua, rau các loại tại Thành phố Bắc Ninh, Gia Bình, Yên Phong, Thuận Thành, Tiên Du... và 24 vùng trồng cây ăn quả với diện tích từ 2ha trở lên. Trong đó có một số vùng, một số trang trại đã liên kết tiêu thụ sản phẩm như : Vùng sản xuất rau xã Ngăm Mạc, Gia Bình, vùng sản

xuất rau xã Cảnh Hưng, Tiên Du đã liên kết tiêu thụ sản phẩm với công ty Hương Việt Sinh, một số trang trại liên kết tiêu thụ sản phẩm với các siêu thị, Vinmart, cửa hàng rau an toàn,...

2. Kết quả sản xuất vụ Đông 2020-2021

Tổng diện tích gieo trồng cây rau màu vụ Đông toàn tỉnh 6.612,1 ha, đạt 94,5% kế hoạch, bằng 96% so với vụ đông 2019-2020. Trong đó, một số cây trồng có thời vụ trồng sớm và hiệu quả kinh tế thấp diện tíchgiảm như ngô, khoai lang; tuy nhiên, các cây có giá trị kinh tế cao, tiêu thụ thuận lợidiện tích ổn định và dần được mở rộng như cà rốt, hành tỏi,... Kết quả cụ thể:

2.1. Cây khoai tây

Toàn tỉnh trồng được 1.953,6 ha, đạt 86,8% kế hoạch, giảm 275,7 ha. Do đầu vụ mưa nhiều trùng với thời điểm trồng khoai tây tập trung làm chậm tiến độ gieo trồng; đồng thời, một phần diện tích sản xuất khoai tây giống xuân 2020 bị thiệt hại bởi mưa lớn (ngày 24 ư-25/01/2020) đã làm giảm số lượng và chất lượng khoai tây giống nên diện tích khoai tây vụ đông 2020-2021 giảm. Thời vụ trồng tập trung từ 25/10-25/11. Các giống chủ lực là: Marabel, Solara, Atlantic. Tập trung tại Quế Võ 1.452,0 ha; Thuận Thành 155,7 ha; Yên Phong 144,4 ha, Tiên Du 73,0 ha.

Thời tiết từ giữa tháng 12 khô hanh đã ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển, hình thành tia củ và năng suất khoai tây, bình quân đạt 148,4 tạ/ha, giảm 9,3 tạ/ha; sản lượng đạt 28.995,9 tấn, giảm 6.165,1 tấn so với vụ đông 2019-2020. Tuy vậy, giá bán khoai tây thương phẩm giữ ở mức cao nên hiệu quả kinh tế vẫn đạt khá.

2.2. Cây ngô

Toàn tỉnh trồng được 347,5 ha, đạt 77,2% kế hoạch, giảm 95,3 ha so với vụĐông 2019-2020, chủ yếu do sản xuất ngô hiệu quả không cao nên nông dân chuyển dần sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn như cà rốt, rau các loại và cây ăn quả, bên cạnh đó thời điểm gieo trồng mưa nhiều, đất ướt làm chậm tiến độ và diện tích gieo trồng. Thời vụ gieo trồng tập trung: ngô ngoài bãi từ 5 - 30/9; ngô trong đồng từ 22/10 - 12/11. Các giống chủ lực là Pioneer P4199, NK6654, NK4300, HN88... Tập trung tại Thuận Thành 103 ha, Gia Bình 106 ha, Quế Võ 47 ha, Tiên Du 26 ha.

Thời kỳ trỗ cờ, phun râu thời tiết khô hanh nên quá trình thụ phấn, thụ tinh ảnh hưởng năng suất bình quân đạt 52,7 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha so với cùng kỳ; sản lượng đạt 1.830,1 tấn, giảm 536,4 tấn so với vụ đông 2019 - 2020.

2.3. Cây rau, đậu các loại

Toàn tỉnh trồng được 4.004,8 ha, đạt 100,1% kế hoạch, tăng 75,9 ha so với vụ đông 2019 - 2020; năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 296,3 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha; sản lượng đạt

118.664,0 tấn, tăng 3.261,3 tấn so với vụ đông 2019 - 2020, diện tích sản xuất một số cây rau có hiệu quả kinh tế cao, dễ tiêu thụ như: cà rốt, hành tỏi, cà chua,... được mở rộng. Một số loại rau ăn lá, rau ăn quả được gieo trồng sớm, chăm sóc kịp thời nên sinh trưởng, phát triển tốt. Hầu hết năng suất các cây trồng đều đạt cao hơn so với cùng kỳ, một số cây rau chủ lực như:

- Cà rốt: 1.320,8 ha (tăng 78,4 ha); năng suất 459,5 tạ/ha (tăng 1,9 tạ/ha); sản lượng 60.688,6 tấn (tăng 3.836,6 tấn) so với vụ đông 2019 - 2020. Sử dụng các giống F1 như: VL444, Ti103. Vụ sớm gieo trong tháng 9, chính vụ gieo từ tháng 10 đến tháng 11, vụ muộn gieo từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2021. Tập trung tại Lương Tài, Gia Bình.

- Hành tỏi: 431,4 ha (tăng 133,6 ha), năng suất 167,6 tạ/ha (tăng 0,8 tạ/ha); sản lượng 7.229,8 tấn (tăng 2.262,3 tấn) so với cùng kỳ.

Ngoài ra, bí các loại 179,3 tạ/ha, tăng 5,3 tạ/ha; cà chua 410 tạ/ha, tăng 3,3 tạ/ha; bắp cải 331,3 tạ/ha, tăng 10,4 tạ/ha ...

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐIỂN HÌNH VỤ ĐÔNG 2020-2021

+ Mô hình sản xuất tỏi tía một nhân góp phần hình thành chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thôn Xuân Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình; quy mô 4ha, kết quả bước đầu cho thấy tỉ lệ tỏi tía 1 nhân đạt 70%, doanh nghiệp thu mua 100% lượng tỏi trong mô hình, cho lãi cao hơn 3.818.280 đồng/sào (106,1 triệu đồng/ha) so với sản xuất thông thường, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

+ Mô hình sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP trên các cây trồng: khoai tây (Quế Võ), bí xanh (Lương Tài), cây hành (Gia Bình), tổng diện tích sản xuất cây trồng an toàn là 7ha. Kết quả mô hình đã giảm số lần phun thuốc BVTV từ 1-2 lần/vụ; giảm chi phí phân bón từ 3 - 6 triệu đồng/ha; lãi thuần đạt 83,1-115,4 triệu đồng/ha, cao hơn sản xuất thông thường 21,6- 36,3 triệu đồng/ha, tạo ra sản phẩm an toàn.

+ Mô hình trồng bí xanh theo hướng hữu cơ, quy mô 08 ha tại xã An Thịnh - Lương Tài và xã Bình Dương - Gia Bình. Kết quả cho thấy giống bí xanh F1 Nova 209 sinh trưởng, phát triển tốt, bắt đầu thu hoạch sau 60 ngày trồng, năng suất đạt 46,05 tấn/ha. Mô hình cho hiệu quả kinh tế đạt 70 triệu đồng/ha.

+ Mô hình sản xuất khoai tây Bliss gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm, quy mô 05 ha tại xã Tam Giang - Yên Phong. Năng suất đạt 181 tạ/ha, hiệu quả kinh tế đạt 95 triệu đồng/ha.

+ Mô hình sản xuất khoai tây năng suất, chất lượng cao liên kết với nhà máy chế biến tiêu thụ sản phẩm tại vùng Tây nguyên và Đồng bằng Sông hồng, quy mô 05 ha tại xã Phù Lương - Quế Võ. Năng suất đạt 193 tạ/ha, hiệu quả kinh tế đạt 105 triệu đồng/ha.

+ Mô hình sản xuất khoai tây thương hiệu Quế Võ: tổng diện tích sản xuất toàn huyện đạt 1.452,0 ha, đã được Cục Sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu tập thể "Khoai tây Quế Võ". Hiệu quả kinh tế đạt từ 90 - 100 triệu đồng/ha.

+ Mô hình sản xuất khoai tây gắn liền với tiêu thụ sản phẩm: Quy mô 110 ha tại Yên Phong. Trong đó, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với công ty Orion và Viện Công nghệ sinh học nông nghiệp, mô hình ứng dụng phun thuốc BVTV sử dụng máy bay không người lái vào sản xuất giúp giảm công lao động, sản xuất tập trung đem lại hiệu quả kinh tế cao đạt từ 90 - 100 triệu đồng/ha.

+ Mô hình luân canh cây hành tỏi - cây ớt: Quy mô 20 ha tại Lương Tài. Trong đó, vụ đông sản xuất hành tỏi, vụ xuân sản xuất cây ớt. Hiệu quả kinh tế hành tỏi đạt 115 - 130 triệu đồng/ha; cây ớt đạt từ 105 - 125 triệu đồng/ha.

+ Mô hình bí xanh, bí đỏ tập trung: Quy mô 100ha tại Gia Bình, Lương Tài. Hiệu quả kinh tế đạt từ 50 - 60 triệu đồng/ha.

IV. NHỮNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT CÂY RAU MÀU VỤ CỦA TỈNH

1. Nghị quyết 147/2018/NQ-NĐND

Ngày 06/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hànhNghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND quy định hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, một số nội dung hỗ trợ sản xuất cây rau màu như sau:

- Hỗ trợ sản xuất giống: Hỗ trợ 50% giá giống để sản xuất giống rau màu các loại.

- Hỗ trợ sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao tập trung: Cây rau màu hỗ trợ 3 triệu đồng/ha gieo trồng/vụ, cây dược liệu hỗ trợ 1 lần 10 triệu/ha.

- Hỗ trợ công chỉ đạo, nghiệm thu, chi trả hỗ trợ sản xuất:Hỗ trợ công chỉ đạo, nghiệm thu, chi trả hỗ trợ sản xuất rau màu cho thôn, hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác với mức 100 nghìn đồng/ha/vụ (tối đa không quá 3 vụ/năm).

- Hỗ trợ sản xuất ATTP: Hỗ trợ 100% kinh phí lần đầu cho cơ sở sản xuất nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc VietGAP, GMP, GlobalGAP, sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ nằm trong vùng quy hoạch của địa phương (bao gồm kinh phí tư vấn, thẩm tra, đánh giá, lấy mẫu phân tích, tập huấn, cấp chứng nhận...), tổng mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/giấy chứng nhận.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân để xây dựng các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ: Các tổ chức, cá nhân nằm trong vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư, đổi mới trang thiết bị, dụng cụ tiên tiến, nghiên cứu cải tiến, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đề xây dựng nhà màng, nhà lưới, nhà kính có các dự án, phương án không nằm trong các vùng, khu nông nghiệp công nghệ cao: Hỗ trợ

50% chi phí mua vật tư xây dựng nhà lưới, nhà màng, nhà kính và các thiết bị tự động hóa quá trình sản xuất: Xây dựng nhà lưới: Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/tổ chức, cá nhân; Xây dựng nhà màng, nhà kinh và các thiết bị tự động hóa: Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.

- Hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm và bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ 30% kinh phí mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm và bảo vệ môi trường có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/máy móc, thiết bị hoặc 50% kinh phí cho các máy móc, thiết bị có giá trị dưới 50 triệu đồng.

- Hỗ trợ tiêu thụ nông sản: Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng tiêu thụ nông sản, thực phẩm cho các tổ hợp tác, HTX nông nghiệp, các hộ nông dân theo phương thức ứng trước vốn và thu mua sản phẩm nếu thực hiện đúng hợp đồng được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay ngân hàng cho toàn bộ số tiền vay ứng trước theo hợp đồng.

- Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu sản phẩm: Hỗ trợ 1 lần 100% kinh phí xây dựng nhãn hiệu sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ kinh phí dán tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp: Hỗ trợ 100% kinh phí lần đầu để mua tem phục vụ truy xuất nguồn gốc, nhưng không quá 50 triệu đồng/ tổ chức, cá nhân.

- Hỗ trợ tập huấn và ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, hội thảo tập huấn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình: Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí để xây dựng mô hình sản xuất, trình diễn tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt.

2. Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về việc Quy định về một số chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về việc Quy định hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, một số nội dung hỗ trợ sản xuất như sau:

- Hỗ trợ chênh lệch lãi suất: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại. Cụ thể:

+ Tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 08 năm.

+ Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Hỗ trợ lãi suất vay từ ngân hàng thương mại: Hỗ trợ lãi suất với mức 4%/năm cho các trang trại vay vốn từ các ngân hàng thương mại, hạn mức được tính hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án,thời gian được hỗ trợ tính từ ngày bắt đầu giải ngân và không quá 05 năm (60 tháng).

- Hỗ trợ tập trung đất đai: Hỗ trợ 01 lần cho trang trại, doanh nghiệp thực hiện tập trung đất nông nghiệp theo hình thức góp vốn, thuê bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp tập trung được hỗ trợ là 50 triệu đồng/ha.

Hỗ trợ 01 lần cho cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất cho trang trại, doanh nghiệp để thực hiện tập trung đất đai với mức 50 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ ngoài hàng rào: Hệ thống điện ngoài hàng rào: Nhà nước hỗ trợ 70%, tối đa 200 triệu đồng; chủ trang trại đối ứng 30% cho chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

V. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY RAU MÀU VỤ ĐÔNG CỦA TỈNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng

Trên cơ sở nhận định tình hình, phương hướng chỉ đạo sản xuất vụ đông trong thời gian tới của tỉnh là: Tập trung mở rộng diện tích cây trồng vụ đông có hiệu quả kinh tế cao và thị trường tiêu thụ thuận lợi như khoai tây, cà rốt, rau các loại; Khuyến khích các hình thức tích tụ ruộng đất để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung tạo ra sản lượng lớn, mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là liên kết hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất; Tăng cường tiếp thu các giống cây rau màu mới, những giống ngắn ngày, năng suất chất lượng cao, phù hợp thị trường để tăng vụ, rải vụ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Một số giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường công tác tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất vụ đông của tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố cần quan tâm, nghiên cứu có chính sách hỗ trợ bổ sung phù hợp với điều kiện của địa phương để khuyến khích sản xuất.

2. Chỉ đạo xây dựng quy hoạch vùng sản xuất tập trung và bố trí cơ cấu cây trồng vụ đông phù hợp với từng địa phương trên cơ sở cơ cấu trà, giống lúa của vụ mùa. Hướng dẫn nông dân thu hoạch nhanh, gọn lúa mùa để giải phóng đất sớm, kịp thời gieo trồng cây vụ đông, hạn chế thiệt hại do mưa bão cuối vụ gây ra, nhất là trên những diện tích

trồng cây vụ đông sớm. Đồng thời, chuẩn bị sớm nguồn giống, vật tư, phân bón đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân mượn đất, thuê đất để sản xuất, hình thành những vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện đầu tư áp dụng máy móc, cơ giới hóa, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

4. Về thủy lợi: Chủ động bố trí cơ cấu giống cây trồng phù hợp. Đồng thời, xây dựng các phương án đảm bảo đủ nguồn nước tưới dưỡng cho cây vụ đông và có kế hoạch phòng chống úng khi có mưa lớn cục bộ có thể xảy ra.

5. Về kỹ thuật: Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật như: Làm bầu với những cây ưa ấm đòi hỏi thời vụ trồng sớm (ngô, dưa, bầu bí...), sử dụng mái che trong sản xuất cây con giống và các loại rau xanh...; Thường xuyên thăm đồng, phát hiện kịp thời các đối tượng sinh vật hại, áp dụng tốt các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, khuyến khích sử dụng các loại thuốc BVTV sinh học; Những diện tích không trồng cây vụ đông cần hướng dẫn nông dân tiến hành cày ải sớm để hạn chế sâu bệnh lưu trú và chuyển sang gây hại cây vụ đông và vụ xuân năm sau.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để giúp các địa phương đẩy mạnh sản xuất cây trồng vụ đông và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân. Trung tâm Khuyến nông và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Bắc Ninh đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia:

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh, thành phố để xây dựng các dự án, mô hình sản xuất cây trồng vụ đông theo hướng an toàn, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ các địa phương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ đào tạo huấn luyện cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, công tác viên khuyến nông về kỹ thuật sản xuất, thu hoạch và sơ chế cây màu vụ đông đảm bảo an toàn và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời cung cấp các tài liêu hướng dẫn kỹ thuật trồng cây màu vụ đông để chuyển giao, phổ biến cho nông dân./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG VÀ PTNNCNC BẮC NINH

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG TẠI TỈNH QUẢNG NINH

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ninh

I. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY VỤ ĐÔNG TẠI QUẢNG NINH

1. Tình hình chung

Trong năm 2021, công tác chỉ đạo sản xuất tiếp tục được triển khai đồng bộ, chặt chẽ theo định hướng tái cơ cấu, chuyển đổi mạnh mẽ diện tích sản xuất các loại cây trồng kém hiệu quả, các loại giống năng suất chất lượng kém hiệu quả sang các loại cây trồng cho năng suất, chất lượng cao hơn, phù hợp với thị trường. Việc dồn điền đổi thửa xây dựng "cánh đồng lớn" tạo điều kiện đẩy mạnh cơ giới hóa và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trồng trọt.

Trong năm, toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi khoảng 1.014,8 ha (vụ Xuân: 538ha, vụ Mùa: 476,8) diện tích đất trồng lúa (các diện tích khó khăn về nước tưới do ảnh hưởng khô hạn, diện tích không chủ động nguồn nước, diện tích đất 1 vụ lúa) sang trồng ngô và cây rau hoa màu các loại.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh ước đạt 63.921 ha, bằng 95,94% so với cùng kỳ, tăng 1,41% so với kế hoạch, sản lượng lương thực ước đạt 225.328,34 tấn, bằng 99,2% so với cùng kỳ, tăng 1,26% so với kế hoạch, đạt 99,84% so với KBTT. Trong đó: (*1) Cây hàng năm*: Diện tích gieo cấy lúa toàn tỉnh ước đạt 38.419 ha, bằng 98,2% so cùng kỳ, đạt 99,5% so với kế hoạch; Năng suất lúa ước đạt 52,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 201.122 tấn, bằng 99,6% so với cùng kỳ, đạt 101,5% so với kế hoạch. Đến nay, diện tích lúa Mùa cơ bản thu hoạch xong; *(2) Cây lâu năm*: Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt 6.842,7 ha. Tính đến ngày 25/11/2021, diện tích cây vụ Đông đã gieo trồng 5.600 ha, bằng 71,8 % so với kế hoạch (phấn đấu hết năm 2021 đạt 100% kế hoạch là 7.795 ha).

2. Kết quả sản xuất vụ Đông 2021

(Thực hiện theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch sản xuất cây vụ Đông năm 2021).

Đối với sản xuất cây vụ Đông có vai trò rất quan trọng trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao thu nhập cao cho người dân. Sản xuất vụ Đông không chỉ góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn tỉnh mà đã trở thành vụ sản xuất góp phần tăng tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt trong cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh. Giá trị sản xuất vụ đông tăng nhanh, nhiều địa phương đã xây dựng các chuỗi sản xuất vụ đông khép kín, kết hợp sản xuất và tiêu thụ, đa dạng hóa sản phẩm.

Giá trị sản xuất vụ đông tăng hàng năm có sự chuyển dịch từ nhóm cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang cây trồng có giá trị cao hơn như: nhóm cây dược liệu; nhóm rau ăn củ, ăn quả, rau chất lượng cao; ngô thực phẩm, ngô sinh khối; hoa, cây cảnh giá trị cao; sản xuất trong nhà màn, nhà lưới gắn với sơ chế, chế biến đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm có thị trường đầu ra ổn định; trồng rải vụ,... đã góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

Năm 2021, kế hoạch toàn tỉnh phấn đấu gieo trồng 7.795 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau các loại, khoai tây, cây hoa...), tăng so với năm 2020 là 795 ha.. Tính đến hết tháng 11/2021, diện tích gieo trồng cây vụ Đông toàn tỉnh ước đạt trên 95% kế hoạch. Một số cây trồng có giá trị cao được các địa phương đưa vào sản xuất như khoai tây; rau cao cấp; củ đậu; hoa cây cảnh, cây dược liệu,.... kết quả sản xuất vụ Đông 2020 đã đạt được những kết quả cụ thể:

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

3. Một số mô hình sản xuất điển hình

- Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khoai tây Atlantic trên địa bàn thị xã Đông Triều với Công ty ORION Việt Nam: Năm 2012, với diện tích trồng thí điểm 20ha trên địa bàn 2 xã ban đầu với mức độ cơ giới hóa 100% trong khâu làm đất và thu hoạch khoai tây; giúp giảm được chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân; đến vụ Đông năm 2020, diện tích trồng khoai tây tại thị xã Đông Triều (một trong những vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp của tỉnh) đã tăng lên trên 217ha, sản lượng đạt gần 2.000 tấn (trong đó sản lượng khoai đạt tiêu chuẩn bán cho Công ty ORION đạt 1.500 tấn, chiếm 75%), trừ chi phí đầu tư sau 3 tháng thu lãi bình quân trên 50 triệu đồng/ha. Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ này ngày càng thể hiện rõ tính ưu việt, hiệu quả bền vững khi làm tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Tham gia mô hình, người dân không chỉ được hỗ trợ về giống, khoa học kỹ thuật, giá sản phẩm mà còn được hỗ trợ hoàn toàn việc vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm. Trong thời điểm thị trường biến động rớt giá, người dân cũng được cam kết thu mua với giá tối thiểu 6.500 đồng/kg để đảm bảo quyền lợi cho người nông dân. Nhờ đó, người dân luôn yên tâm phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo, làm giàu. Thực tế, nhiều hộ dân đã nâng cao được thu nhập, có đời sống ngày càng ổn định hơn.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất: Để chủ động trong việc sản xuất cây vụ Đông, hiện nay nhiều địa phương triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như: các mô hình trồng rau, hoa trong nhà lưới, nhà kính,… Qua đó, chủ động được thời vụ sản xuất cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro do tác động của môi trường. Điển hình như: Mô hình sản xuất rau công nghệ cao của công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại 188 với quy mô 1,5 ha, bao gồm 12 nhà màng trồng rau thủy canh và trồng trên giá thể, hàng năm Công ty cung cấp từ 150 -

200 tấn rau cho các nhà hàng, cửa hàng rau sạch, trường học, nhà máy, các hệ thống siêu thị (Vinmart, BigC, Intermex, Mixmart)…; doanh thu bình quân từ 3,6 tỷ - 4,5 tỷ đồng/năm. Mô hình trồng rau, dưa lưới công nghệ cao trong nhà màng của Công ty CP Thương mại và xây dựng Đầm Hà, với quy mô hiện nay hơn 02ha (kế hoạch mở rộng lên khoảng 10ha), cho thu hoạch trên 100 tấn/năm các loại rau, dưa lưới, tạo việc làm thường xuyên cho hàng chục công nhân với mức lương trung bình trên 5 triệu đồng/người/tháng,…

- Mô hình sản xuất ngô sinh khối: Để cung cấp cho nhu cầu thức ăn cho chăn nuôi bò tập trung trên địa bàn thành phố Móng Cái, tại các huyện miền Đông của tỉnh Quảng Ninh nông dân tiếp tục phát triển vùng trồng ngô sinh khối để cung cấp cho chăn nuôi bò tập trung của Công ty Cổ phần đầu tư Nông nghiệp Phú Lâm, với quy mô hàng năm trên 400 ha, năng suất trung bình đạt 30-40 tấn/vụ (70-80 ngày), mỗi năm cung cấp cho công ty hơn 10 nghìn tấn ngô sinh khối, qua đó đã tạo thêm việc làm, nguồn thu nhập cho nông dân tại các địa phương.

- Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản vụ Đông của các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX): Hiện nay, nhiều doanh nghiệp, HTX nông nghiệp đã hình thành và tham gia mạnh mẽ trong việc liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Qua đó, giúp chủ động xây dựng các phương án làm dịch vụ đầu vào, tìm đối tác để bao tiêu sản phẩm, đảm bảo được số lượng và giá cả thị trường nhằm tránh tình trạng thương lái ép giá, tăng thu nhập cho các thành viên, thực hiện các dịch vụ như: làm đất, cung ứng vật tư nông nghiệp, thức ăn và thuốc thú y, dịch vụ bơm tưới, lúa giống, dịch vụ sau thu hoạch, tín dụng nội bộ, cung ứng giống và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho thành viên HTX. Điển hình như: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Long; Công ty Cổ phần đầu tư Song Hành; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại 188; Công ty CP Thương mại và Xây dựng Đầm Hà; Hợp tác xã Hoa Phước Long; HTX Sản xuất, dịch vụ nông nghiệp Hà Tân, HTX Sản xuất dịch vụ Nông nghiệp Hồng Hải (TP. Hạ Long), HTX Dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong, HTX Bình Dương (thị xã Đông Triều), Hợp tác xã Dong riềng (huyện Bình Liêu),…

4. Đánh giá chung

Công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến địa phương giúp hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung cấp tỉnh và cấp huyện; việc dồn điền đổi thửa xây dựng "cánh đồng lớn" tạo điều kiện đẩy mạnh cơ giới hóa và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trồng trọt cũng được các địa phương quan tâm thực hiện. Chủ động đa dạng hóa chủng loại sản phẩm vụ Đông nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường; đồng thời, mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP; Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi, một số giống ngô cao sản, giống rau, giống hoa,... có năng suất, giá trị cao được đưa vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và giá trị sản

phẩm. Một số diện tích chuyên canh rau, hoa, cây cảnh sản xuất phục vụ Tết Nguyên đán có giá trị cao được chú trọng quan tâm sản xuất giúp nâng cao thu nhập của người dân.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo đà cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị cạnh tranh như: Quyết định số 3262/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về viêc áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến kích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định triển khai thực hiện Nghị Quyết số194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về ban hành chính sách khuyến kích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh,... Cùng với đó, tỉnh Quảng Ninh tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc (mã QR), đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất; thực hiện và khuyến khích việc dồn thửa đổi ruộng để áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa của tỉnh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh...

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG

1. Giải pháp về công tác quản lý, chỉ đạo

- Ngành nông nghiệp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ động triển khai Kế hoạch sản xuất vụ Đông 2021; xây dựng phương án ứng phó với các tình huống bất lợi như thời tiết, sinh vật gây hại cây trồng ngay từ đầu vụ; Tập trung chỉ đạo thực hiện phát triển các vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động và chỉ đạo quyết liệt về cơ cấu giống, lịch thời vụ, biện pháp canh tác, quản lý sinh vật gây hại đảm bảo hạn chế thấp nhất sự tác động tiêu cực của điều kiện thời tiết bất thuận, của sinh vật gây hại làm ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất, năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về vật tư nông nghiệp lấy công tác thanh, kiểm tra thường xuyên và đột xuất làm trọng tâm; phát huy tốt vai trò quần chúng nhân dân trong việc cung cấp thông tin các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp kém chất lượng, nhập lậu, kiên quyết xử các tổ chức, đơn vị, cá nhân bán giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV kém chất lượng, tuyên truyền quảng cáo sai quy định.

2. Giải pháp phát triển sản xuất cây trồng vụ Đông

2.1. Giải pháp quy hoạch vùng sản xuất

- Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất cây vụ Đông do UBND tỉnh ban hành, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của từng địa phương. Đồng thời tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thu hoạch lúa mùa, làm đất sớm để đẩy nhanh công tác triển khai sản xuất cây vụ Đông, tranh thủ các điều kiện thời tiết còn ấm áp đầu vụ.

- Quy hoạch các vùng sản xuất tập trung để tạo thuận lợi cho công tác theo dõi, chỉ đạo sản xuất, cũng như chủ động trong khâu điều tiết nước sản xuất, chăm sóc, thu hoạch,...

- Bên cạnh đó, xây dựng các vùng sản xuất cây vụ Đông chuyên canh, tập trung tại các địa phương để chủ động thời vụ sản xuất hàng năm.

2.2. Giải pháp phát triển sản xuất

**** Về giống:*** Tăng cường việc ứng dụng các giống cây trồng mới có năng suất chất lượng tốt vào sản xuất, cụ thể:

- Cây ngô: Sử dụng các giống ngô lai có khả năng chịu hạn tốt, như: NK66, NK6654, Biosed 06, C919,...

- Cây tương: Sử dụng các giống ĐVN5, ĐVN6, DT84, DT2001; trồng xong trước 30/9.

- Cây khoai lang: Sử dụng các giống khoai lang thị trường ưa dùng, có khả năng phát triển, hiệu quả kinh tế cao. Các giống Hoàng Long, KL2, KL5...

- Cây khoai tây: Sử dụng các giống sạch bệnh, có chứng nhận chất lượng theo quy định; giống sản xuất vụ xuân, bảo quản lạnh như Atlantic, Solara, Aladin. Ưu tiên các giống chế biến gắn với bao tiêu sản phẩm.

- Rau các loại: Tranh thủ gieo trồng khi có đất và điều kiện thời tiết thuận lợi. Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm rau nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

- Cây hoa: Sử dụng một số loại hoa có giá trị kinh tế cao như hoa Lan Hồ điệp, lay ơn, hoa hồng, đồng tiền, hoa ly,.....

**** Kỹ thuật sản xuất:***

- Tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, cảnh báo đúng, kịp thời diễn biến thời tiết có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất, đề xuất giải pháp khắc phục kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

- Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân để người sản xuất nắm bắt và thực hiện đúng cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật sản xuất,...

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng sau thu hoạch lúa vụ Mùa, tăng cường cơ giới hóa khâu làm đất, sử dụng các chế phẩm xử lý để tăng khả năng phân hủy rơm rạ để chuẩn bị quỹ đất cho sản xuất vụ Đông.

- Tăng cường áp dụng công nghệ sinh học như: Sử dụng giống cây sạch bệnh, chế phẩm xử lý đất, môi trường, phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX sản xuất; tổ hợp tác dịch vụ về giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để làm đầu mối liên kết với doanh nghiệp; quản lý, hướng dẫn cho người sản xuất đáp ứng yêu cầu về nâng cao năng suất, chất lượng hàng hoá từ đó nâng cao thu nhập cho người sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Các địa phương phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp thủy nông quản lý tốt nguồn nước bảo đảm tưới tiêu hợp lý tiết kiệm hiệu quả, đảm bảo đủ nước tưới cho cây trồng; khuyến khích áp dụng, phát triển thống tưới nước tiết kiệm cho cây trồng.

- Tăng cường việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả lao động thông qua việc xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp thông minh 4.0 để làm chủ được quy trình sản xuất, cũng như có thể bố trí sản xuất trong các điều kiện thời tiết bất thuận (mưa gió, rét đậm, rét hại,...).

3. Giải pháp về thị trường, xúc tiến thương mại

- Để thích ứng với điều kiện đại dịch Covid-19, nhiều sản phẩm nông nghiệp của địa phương đã tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử như: Postmart.vn và Voso.vn.

- Có chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có vốn, có kỹ thuật vào đầu tư, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với người nông dân.

- Thành lập các Tổ hợp tác, Hợp tác xã,... để làm đại diện liên kết giữa người sản xuất với các đơn vị phân phối (siêu thị, chợ đầu mối, các cửa hàng chuyên buôn bán, kinh doanh hoa quả,....). Xây dựng các kênh tiêu thụ liên kết giữa người sản xuất và nhà phân phối nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và tạo ra thị trường ổn định.

- Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận sản phẩm. Đăng ký tem nhãn (mã QR Code) để quản lý, nhận diện, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cung cấp ra thị trường.

- Đa dạng các hình thức tiếp thị sản phẩm như: viết bài đăng báo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền hình, cổng thông tin điện tử nhằm gắn kết người tiêu dùng với người sản xuất.

- Tăng cường tổ chức các triển lãm, hội chợ xúc tiến thương mại để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Để nâng cao chất lượng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây vụ, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ninh đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Xem xét, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông để các địa phương căn cứ thực hiện, đặc biệt các chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm trong điều kiện tình hình Covid-19 có những diễn biến phức tạp.

- Thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về tình hình sản xuất và dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để các địa phương nắm bắt kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất.

- Tăng cường nguồn lực hỗ trợ xây dựng, triển khai các chương trình, dự án, mô hình đối với sản xuất cây trồng vụ Đông.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH QUẢNG NINH

Phụ lục 1. Kết quả sản xuất vụ Đông 2020 và kế hoạch sản xuất vụ Đông 2021 tại Quảng Ninh

TT	Cây trồng	Kết quả sản xuất vụ Đông năm 2020				Kế hoạch sản xuất vụ Đông năm 2021				Ghi chú
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Giá trị theo giá so sánh 2010 (1.000 đồng)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Giá trị theo giá so sánh 2010 (1.000 đồng)	
	Tổng	**6.956,27**				**7.729,1**				
1	Ngô	967,77	42,7	4.131,4	22.722,8	1066	43	4615,78	23.864,9	
2	Lạc	30,9	19,1	59,0	1.115,5	104,2	19,5	218,8	2.279,6	
3	Đậu tương	16,7	17,3	28,8	458,0	74,4	18	141,36	554,4	
4	Khoai tây	294,8	120,1	3.540,7	35.619,1	306	121	3626,1	18.326,3	
5	Khoai lang	672,9	60,6	4.075,2	28.078,2	1098,8	61	6944,4	155.929,3	
6	Rau các loại	4.586,9	148,8	68.244,5	348.388,1	4.456,4	156,3	69.653,5	311.332,1	
7	Hoa các loại (bông)	275,69		39.636,90 triệu bông	83.628.702	345,3		48.457 triệu bông		
8	Cây trồng khác (khoai sọ, cỏ, ngô sinh khối, cây dược liệu hàng năm,…)	110,59			3.142.038,51	278				
9	Sản phẩm phụ cây hàng năm (Thân cây ngô, lạc, đậu tương,)				287.104,00					

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÂY VỤ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ HD-GREEN

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hữu cơ HD-GREEN

I. GIỚI THIỆU

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hữu cơ HD-GREEN (có địa chỉ tại 296 Nguyễn Chế Nghĩa, TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) được thành lập ngày 26/7/2017 do anh Mai Xuân Thịnh làm giám đốc. HD-GREEN là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sản xuất, chế biến và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch và dịch vụ tương ứng.Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc sản xuất, liên kết và cung ứng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cho khách hàng trong nước và nước ngoài. "HDGreen -dưỡng sinh an" với sứ mệnh tạo ra các sản phẩm chất lượng tốt nhất để nuôi dưỡng sức khỏe từ đó tạo ra sự an lành (an toàn cho người tiêu dùng), xây dựng màu xanh cho Hải Dương, màu xanh sẽ tạo ra sức khỏe, mong muốn tạo ra những sản phẩm tốt, an lành cho cơ thể.

Khởi điểm ban đầu anh Mai Xuân Thịnh cùng với một số cộng sự thân thiết thuê 7.000 m^2 đất tại thôn Bái Thượng, xã Toàn Thắng (Gia Lộc) để chuẩn bị sản xuất theo quy trình NNHC.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÔNG TY

Hiện nay, quy mô sản xuất trực tiếp của công ty: hơn 10 ha trong đó gần 2 ha nhà màng, quy mô liên kết: hơn 30 ha. Có khu sơ chế, bảo quản kho mát, kho lạnh 200m2. Với đội ngũ nhân lực: đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm đã từng làm quản lý cho các tập đoàn lớn như Vin, công ty xuất khẩu nông sản sang Nhật, Mỹ, EU. Mục tiêu, đến năm 2025, Công ty HD-GREEN có thể xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Công ty trực tiếp sản xuất và liên kết cung cấp các sản phẩm rau củ quả chất lượng, an toàn và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Các loại rau củ quả trồng theo hướng hữu cơ và công nghệ cao và đạt tiêu chuẩn VietGAP. Để có được những sản phẩm tốt nhất, công ty đã đã chọn quy trình sản xuất theo phương pháp hữu cơ do Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam thông qua và kiểm soát, đây là phương pháp sản xuất tự nhiên, an toàn nhất cho sức khỏe và không gây hại đến môi trường sinh thái. Công ty cam kết tất cả các sản phẩm rau, củ, quả tại khu sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn "5 KHÔNG": Không Thuốc diệt cỏ hóa học; Không Thuốc trừ sâu hóa học; Không Thuốc kích thích tăng trưởng; Không Giống biến đổi gen; Không Hóa chất bảo quản. Công ty HD-GREEN đã có những bước phát triển không ngừng trong việc sản xuất và cung ứng các sản phẩm rau, củ, quả, thịt, trứng, cá... theo hướng hữu cơ (thực phẩm sạch). Cho đến nay, với khu

vực sản xuất gần 10ha trong nhà lưới, nhà kính tại Gia Lộc, Hải Dương đem lại sản lượng khoảng 50-60 tấn/tháng các loại rau, củ quả, thịt , trứng , cá... Song song với đó, HDGreen đang từng bước tiếp tục mở rộng khu sản xuất cũng như liên kết với các đơn vị đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm và nguồn gốc rõ ràng để ngày càng đa dạng hóa các loại sản phẩm và hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm của Công ty. Với mục tiêu phát triển cộng đồng dưỡng an sinh, công ty HD-GREEN đã hướng tới dòng sản xuất hữu cơ với một quy trình tuân thủ nghiêm ngặt việc ủ phân hữu cơ cải tạo đất, lựa chọn giống rau củ thích hợp từ trồng và chăm sóc. Đặc biệt trang trại của công ty, hệ thống nhà màng nhà lưới bao phủ, ứng dụng công nghệ cao triển khai trong cả quá trình sản xuất và kinh doanh, sản phẩm rau của công ty đảm bảo an toàn không sử dụng thuốc diệt cỏ mà phải nhổ cỏ và bắt sâu thủ công. Cùng với với đó là hệ thống màng phủ để diệt cỏ, hạn chế mầm bệnh, hệ thống tưới văng và tưới nhỏ giọt đã mang lại hiệu quả cao đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

Công ty HD-GREEN áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn theo hướng hữu cơ gồm các bước: Đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất; Quy hoạch và lập khu sản xuất; Lựa chọn giống và gốc ghép; Lựa chọn phân bón; Chuẩn bị trước khi sản xuất; Quá trình sản xuất; Biện pháp bảo vệ cây trồng. Trong đó tiêu chí lựa chọn vùng sản xuất của HD-GREEN: Đất cao, thoát nước thích hợp với sự sinh trưởng của rau. Cách ly với các khu vực có chất thải công nghiệp và bệnh viện ít nhất 2km, chất thải thành phố ít nhất 200m. Đất không được có tồn dư hóa chất độc hại. Cách thức đánh giá: Công ty HD-GREEN khảo sát, phân tích mẫu đất, nước đảm bảo đủ điều kiện an toàn. Lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận vùng đủ điều kiện về sản xuất Rau An toàn do chi cục QLCL tỉnh cấp. HD-GREEN lập hàng rào bảo vệ xung quanh khu sản xuất bằng cỏ voi, lưới chắn côn trùng, tường rào bao quanh thành khu biệt lập, tiến hành phân lô, thửa khu sản xuất.Trong quá trình sản xuất, HD-GREEN lựa chọn những giống và gốc ghép phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất. Chỉ gieo trồng các giống không biến đổi gen và trồng cây con khỏe mạnh, không mang mầm bệnh. Giống và gốc ghép tự sản xuất phải có biện pháp xử lý hạt giống cây con theo đúng tiêu chuẩn. Đơn vị HD-GREEN nhập giống: Công ty giống của Hà Lan và Isael và một số công ty trong nước đạt tiêu chuẩn. Các loại phân bón HD-GREEN đang sử dụng:Các loai phân hữu cơ do HD-GREEN trực tiếp sản xuất: như rau củ quả thừa, phân chuồng,rơm dạ… được ủ với chế phẩm sinh học để hoai mục ít nhất 6 tháng. Quy trình toàn bộ sản phẩm đầu vào sử dụng 100% phân hữu cơ và phân chuồng ủ mục được xử lý theo công nghệ của Nhật, ngoài ra còn sử dụng các thuốc sinh học như tỏi, ớt, gừng hoặc thuốc sinh học của Nhật thời gian cách ly chỉ có 1 - 2 ngày. Các loại phân bón khác HD-GREEN đang sử dụng: Dùng các loại phân hữu cơ có sẵn như: Quế Lâm, hay phân giun, phân trùn quế. Sử dụng các chế phẩm sinh học, chỉ sử dụng thuốc BVTV khi thật cần thiết và theo TCVN (*Trichoderma,* EM….). Hiện nay, HD Green đã sử dụng trên 95% phân hữu cơ và các chế phẩm vi sinh vượt xa so với tiêu chuẩn VietGAP mà Nhà nước ban hành. Khi chuẩn bị trước khi sản xuất, Công ty tiến

hành xử lý đất như **t**iến hành cải tạo xử lý đất sản xuất: phơi ải, ngâm nước, bổ sung các loại phân hữu cơ, men vi sinh cho đất, trồng cây họ đậu. Từ năm 2015, công ty đã xử lý đất bằng cách để cỏ mọc tự nhiên, sau đó xới đất nhiều lần để tiêu diệt cỏ dại, giúp đất tơi xốp, biến cỏ dại thành chất dinh dưỡng.Tạo ra môi trường hữu cơ mất từ 3 - 5 năm, đây cũng là thời gian đất được nghỉ ngơi để thải độc sau nhiều năm bị phun các loại hóa chất độc hại. Hàng năm, tiến hành phân tích đánh giá các nguy cơ tiềm ẩn trong đất và giá thể theo tiêu chuẩn. HD-GREEN sử dụng nguồn nước ngầm qua hệ thống bể phơi, lọc để có nguồn nước tưới đạt tiêu chuẩn an toàn. Bên cạnh đó trong qua trình sản xuất, công ty lập kế hoạch sản xuất cho từng cây trồng của từng mùa vụ và theo đơn hàng đầu ra của công ty. Kế hoạch luân canh, xen canh cây trồng cụ thể, trong quá trình gieo trồng sử dụng các loại màng phủ, rơm dạ, trấu trên bề mặt để giữ ẩm, chống rửa trôi, và hạn chế sâu bệnh, cỏ dại. Sử dụng các chế phẩm sinh học, thảo mộc để hạn chế sâu bệnh hại. Mỗi một loại cây HD-GREEN sẽ áp dụng quy trình sản xuất riêng biệt. Công ty áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM: Luân canh cây trồng hợp lý, sử dụng giống tốt chống chịu sâu bệnh; Chăm sóc theo yêu cầu sinh lý của cây; Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh đồng ruộng; Sử dụng các chế phẩm sinh học, thảo mộc để hạn chế sâu bệnh hại, sử dụng nhân lực bắt giết sâu; Chỉ sử dụng thuốc BVTV khi cần thiết và theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt.Ngoài việc áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) thì công ty cũng áp dụng các biện pháp khác như**:**Sử dụng nhà lưới, nhà kính để che chắn; Nhà lưới nhà kính có tác dụng hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, sương giá, nắng hạn, rút ngắn thời gian sinh trưởng của rau.Sử dụng màng nilon để phủ đất sẽ hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, tiết kiệm nước tưới, hạn chế được việc sử dụng thuốc BVTV. Sử dụng các biện pháp tưới nước như: nhỏ giọt, tưới phun nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, phân bón, hạn chế sâu bệnh hại. Trong quá trình sản xuất HD Green tiến hành ghi chép và lưu giữ đầy đủ:Nhật kí xử lí, ủ phân hữu cơ; Nhật kí mua các vật tư đầu vào: Phân bón, giống, thuốc BVTV. Nhật kí sản xuất: Nhật ký gieo trồng, nhật ký phân bón, nhật ký thu hoạch; Sử dụng các bảng, biển cảnh báo trong quá trình sản xuất. Với mục tiêu hồ sơ lưu trữ phải được thiết lập cho từng chi tiết trong khâu thực hành và được lưu giữ tại cơ sở sản xuất nhằm minh bạch hóa thống tin và truy suất nguồn gốc rõ ràng. Công ty áp dụng quy trình sơ chế rau an toàn nghiêm ngặt như thiết bị, vật tư và đồ chứa; Nhà xưởng; Phòng chống dịch hại; Vệ sinh các nhân; Xử lý sản phẩm; Bảo quản và vận chuyển. Sản phẩm khi thu hoạch không được để tiếp xúc trực tiếp với đất. Thiết bị, thùng chứa hay vật tư tiếp xúc trực tiếp với rau phải được làm từ các thiết bị chuyên dùng. Thiết bị, thùng chứa hay vật tư phải đảm bảo chắc chắn và sạch sẽ trước khi sử dụng. Nhà xưởng và công trình phục vụ cho việc sơ chế, xử lý đóng gói bảo quản phải được thiết kế hạn chế tối đa nguy cơ ô nhiễm. Khu vực xử lý, đóng gói và bảo quản sản phẩm rau quả phải tách biệt với khu xăng dầu và máy móc nông nghiệpđể phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm lên sản phẩm. Nhà xưởng phải được vệ sinh bằng các loại hóa chất thích hợp theo quy định không gây ảnh hưởng tới sản phẩm và môi trường. Phải cách ly gia súc, gia cầm khỏi khu vực sơ chế

đóng gói và bảo quản rau, quả. Phải có biện pháp ngăn chặn các sinh vật lây nhiễm vào các khu vực sơ chế, đóng gói và bảo quản. Người lao động yêu cầu phải được tập huấn kiến thức ATVSTP và cung cấp tài liệu cần thiết về thực hành vệ sinh cá nhân và phải được ghi trong hồ sơ; Nội quy vệ sinh cá nhân phải được đặt tại các địa điểm dễ thấy.Sản phẩm sau khi thu hoạch phải được để ở các khay chuyên dụng không để rau tiếp xúc trực tiếp với đất, tránh làm rau dập nát, phân loại và sơ chế sơ ngay tại ruộng khi thu hoạch. Sản phẩm sau khi được đóng gói được bảo quản trong kho mát, tách biệt với các sản phẩm khác. Phương tiện vận chuyển phải được làm sạch trước khi xếp thùng chứa sản phẩm.

Về năng lực của HD-GREEN**,** với khu vực sản xuất 10 ha trong nhà lưới, nhà kính tại Gia Lộc, Hải Dương cho sản lượng khoảng 60-70 tấn/tháng các loại rau, củ quả... Song song với đó, HD-GREEN đang từng bước tiếp tục mở rộng khu sản xuất cũng như liên kết với các đơn vị đạt tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm sạch và nguồn gốc rõ ràng để ngày càng đa dạng hóa các loại sản phẩm và hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm của Công ty. Hiện nay mạng lưới khách hàng của HD-GREEN đã phủ rộng khắp các tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... sản phẩm của HD-GREEN luôn được khách hàng tin tưởng sử dụng. Khi công ty bắt đàu hoạt động hướng tới đối tượng khách hàng là các cháu nhỏ, những mầm non tương lại, công ty CP Nông nghiệp hữu cơ HD-GREEN cung cấp rau xanh hữu cơ cho hơn 100 trường học tại TP Hải Dương và huyện Gia Lộc và các trường tại Ninh Giang như các Trường Tiểu học: Phương Hưng, Toàn Thắng (Gia Lộc), Trường mầm non Tuệ Tĩnh (TP. Hải Dương).... Các trường tiêu thụ 5 tạ rau hữu cơ/ngày (chiếm 80% lượng rau công ty cung cấp ra thị trường, chủ yếu là rau ăn lá và các loại quả như bí xanh, cà chua. Ngoài ra công ty còn cung cấp cho trung tâm đào tạo và huấn luyện thể dục thể thao tỉnh Hải Dương, trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương, cung cấp cho Công ty Yody, Nhật (đang cung cấp thịt lợn, thịt bò, thịt vịt cho hệ thông siêu thị Vinmart). Công ty đã xây dựng hệ thống chuỗi liên kết nông sản cocofood gồm tập hợp các thành viên liên kết trực tiếp sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp với đa dạng các sản phẩm: rau củ quả, thịt, trứng, cá, đồ khô, hoa quả... Hệ thống 10 cửa hàng thực phẩm an toàn tại Hải Dương.Ngoài ra công ty còn kí kết với đối tác lớn trên Hà Nội, sản xuất cháo dinh dưỡng, xây dựng cửa hàng chuỗi cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng. Đối với các trường học, Công ty ưu tiên cung cấp rau hữu cơ với giá giảm từ 10-20% so với giá cung cấp cho các đơn vị khác.Hiện nay, sản phẩm rau trồng trong nhà màng, nhà lưới của Công ty đang được Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ lấy mẫu kiểm tra để chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.Hiện nay, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ HD-GREEN có 4 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, trong đó, dưa chuột Baby và cải xoăn Kale đạt sản phẩm Ocop 4 sao; muối vừng dinh dưỡng và muối vừng dinh dưỡng và muối vừng dinh dưỡng thượng hạng HD-GREEN đạt OCOP 3 sao. Năm 2021, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ HD-GREEN (Gia Lộc) có thêm 2 loại nông sản được đề nghị sản phẩm Ocop 3 sao gồm cà chua Beef và cà chua Cherry.

Về sản xuất: Định hướng phát triển năm 2022, công ty tập trung nâng cao tiêu chuẩn và kiểm soát chất lượng sản phẩm: đạt chứng nhận hữu cơ trong năm 2022 (Do năm 2021 ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh nên chưa hoàn thành chứng nhận hữu cơ). Mở rộng quy mô sản xuất trực tiếp của công ty lên 10 ha trong đó hệ thống nhà màng đạt 3ha. Mở rộng quy mô liên kết có kiểm soát 100% các sản phẩm rau củ quả và truy suất nguồn gốc các sản phẩm. Đầu tư hệ thống dây truyền máy móc, nhà xưởng sản xuất muối vừng dinh dưỡng cùng với nhận diện nhãn hiệu mới (đạt chứng chỉ ISO). Nghiên cứu và thử nghiệm các loại bột dinh dưỡng từ rau củ quả, các loại hạt (làm đề tài khoa học). Về thị trường: Tập trung phát triển chuỗi bán lẻ: Vinachao: Ưu tiên và Đẩy mạnh hợp tác với Vinachao để triển khai bán chéo sản phẩm thành công và đạt hiệu quả tại hệ thống chuỗi cửa hàng. Xây dựng chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch: Xây dựng và liên kết chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch. Hải Dương đạt 10 cửa hàng của chuỗi cửa hàng thực phẩm an toàn cocofood và triển khai kênh bán lẻ tại thị trường Hà Nội. Tập trung xây dựng kênh phân phối cho sản phẩm đã chế biến. Dù sản phẩm rau hữu cơ đã đến được bàn ăn của người tiêu dùng với nhiều phản hồi tích cực nhưng công ty vẫn còn rất nhiều khó khăn phía trước. "Nông dân Việt Nam đã quen với cách sản xuất sử dụng các hóa chất độc hại vừa nhanh, vừa tiện nên để thay đổi thói quen của họ không hề đơn giản. Thời gian tới, công ty dự định đầu tư thêm 1 nhà màng để sản xuất rau hữu cơ nhưng vẫn gặp khó khăn về kinh phí để duy trì sản xuất, hiện chi phí sản xuất rau hữu cơ trong các mô hình từ 60-70 triệu đồng/tháng. Mô hình sản xuất công ty HD Green là một trong những mô hình sản xuất rau hữu cơ đầu tiên tại tỉnh ta, đây là hướng đi mới trong nông nghiệp mà xã hội đang hướng tới phát triển nền nông nghiệp sạch, phát triển bền vững.

III. KIẾN NGHỊ

- Để đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm, trong thời gian tới, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục tuyên truyền khuyến khích nông hộ sản xuất nhỏ lẻ liên kết hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã; áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao để đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng an toàn thực phẩm nông sản,... tăng cường việc cấp mã số vùng sản xuất; ứng dụng công nghệ số trong quản lý truy xuất quá trình sản xuất nông sản và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm nông sản.

- Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng các mô hình khuyến nông;

- Tập huấn, hỗ trợ người sản xuất nâng cao hiểu biết về các chủ trương chính sách, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, luật pháp quốc tế, thông tin thị trường.

- Nhà nước cần tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm nông sản, liên kết xây dựng các chuỗi tiêu thụ sản phẩm;

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong đại dịch COVID-19./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ HD-GREEN